

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH PHƯỚC

**CHỨNG CỨ TRONG CÁC VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ
ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY
TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU**

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH PHƯỚC

**CHỨNG CỨ TRONG CÁC VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ
ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY
TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU**

Ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. PHÙNG THẾ VẮC

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu thống kê, kết quả đề cập trong luận văn là trung thực, chính xác và có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thành Phước

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ VÀ	10
CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN	
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY	10
1.1. Chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.....	10
1.2. Các loại nguồn của chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy	21
1.3. Chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy	31
1.4. Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy	35
Tiểu kết Chương 1	39
Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU	40
2.1. Một số đặc điểm tình hình tác động đến chứng cứ và chứng minh vụ án vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau	40
2.2. Thực tiễn kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau	49
2.3. Thực tiễn bảo quản chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau	52
2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo quản chứng cứ.....	57
Tiểu kết Chương 2	61

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY.....	63
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chứng cứ	63
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo chứng cứ	64
3.3. Giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót trong thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo quản chứng cứ.....	65
3.4. Một số giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót.....	66
Tiểu kết Chương 3	69
KẾT LUẬN.....	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	:	Bộ luật hình sự
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
THTT	:	Tiến hành tố tụng
TTHS	:	Tố tụng hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, người phạm tội và dùng để xác định những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Theo quy định của pháp luật, chứng cứ là phương tiện để chứng minh tội phạm, cho nên nó xuất hiện cùng với cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực tiễn, việc áp dụng và thực hiện đúng chế định này sẽ bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử được khách quan, chính xác, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Ở các xã hội có chế độ chính trị khác nhau, người ta quan niệm về chứng cứ khác nhau và những quy định của pháp luật về chứng cứ cũng khác nhau. Tình hình diễn biến tội phạm ngày càng phức tạp, trong đó có các tội xâm phạm trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là các tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Vì vậy, nó không những ảnh hưởng nặng nề về mặt tâm lý đối với bị hại và xã hội. Trong những năm qua, hoạt động của ngành giao thông vận tải nói chung và trong lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa nói riêng đã phát triển khá nhanh chóng, góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế của đất nước, bảo đảm nhu cầu đi lại, vận tải hàng hóa của nhân dân, bảo đảm an ninh quốc phòng. Qua nhiều lần pháp điển hóa, BLHS Việt Nam vẫn quy định một chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong đó có mục các tội phạm cụ thể về các tội xâm phạm an toàn giao thông.

Thực tế, tình hình trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa còn nhiều vấn đề phức tạp và bức xúc. Tình trạng lấn chiếm luồng, hành lang bảo vệ luồng giao thông đường thủy nội địa vẫn xảy ra. Việc quy hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư bảo dưỡng luồng lạch bến cảng, quản lý phương tiện còn nhiều điều bất cập. Thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa làm việc trên phương tiện

mà chưa được qua đào tạo hoặc không có bằng, chứng chỉ chuyên môn vẫn xảy ra... Do vậy, tai nạn giao thông đường thủy nội địa xảy ra khá nhiều, làm thiệt hại đến tính mạng tài sản của Nhà nước và của nhân dân.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và chỉ đạo các bộ, ngành tăng cường công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, trong đó có công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên các tuyến giao thông đường thủy nội địa. Trước tình hình đó, Quốc hội, Chính phủ Nhà nước đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng để quản lý trật tự an toàn giao thông đường thủy bằng việc ban hành các văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể, ngày 20/6/2012, Quốc hội ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; ngày 17/6/2014, Quốc hội tiếp tục hoàn thiện và ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa cũng như nhiều văn bản pháp luật khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trên lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; ngày 20/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; ngày 20/11/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2014/NĐ-CP về quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; ngày 27/02/2015 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 24/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa. Theo đó, các bộ, ngành như: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành các quyết định, thông tư để hướng dẫn thực hiện Luật, Nghị định của Chính phủ; đồng thời đã tổ chức, xây dựng, triển khai nhiều kế hoạch, nhiều biện pháp để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, kể từ khi triển khai Luật Giao thông đường thủy nội địa đến nay, hiệu lực quản lý nhà nước được tăng cường, tình hình trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Cà Mau là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, có hệ thống sông ngòi chằng chịt, số lượng tàu thuyền lớn bậc nhất cả nước, nhưng tai nạn giao thông đường thủy trên địa bàn tỉnh Cà Mau giảm mạnh nhiều năm liền. Trên địa bàn tỉnh Cà Mau có 12 tuyến sông cấp 2 và 3, chiều dài 251 km do trung ương quản lý; 13 tuyến sông chiều dài 358 km do tỉnh quản lý và 93 tuyến sông, rạch chiều dài hơn 1.000 km do huyện quản lý. Ngoài ra, Cà Mau còn khoảng 7.200 km sông, rạch có khả năng khai thác vận tải thủy nội địa và 4 tuyến vận tải đường thủy quốc gia đi qua địa bàn. Toàn tỉnh hiện có 87.387 phương tiện thủy nội địa, trong đó còn 19.706 phương tiện chưa đăng ký. Tình hình trật tự an toàn giao thông đường thủy phức tạp như vậy, theo thống kê của Phòng cảnh sát giao thông đường thủy Công an tỉnh Cà Mau từ năm 2011 đến nay, tai nạn giao thông đường thủy trên địa bàn tỉnh Cà Mau liên tục giảm. Năm 2011, Cà Mau xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông đường thủy, làm chết 18 người, bị thương 9 người. Năm 2012, chỉ xảy 16 vụ, làm chết 13 người và bị thương 5 người. Năm 2013, xảy ra 8 vụ, làm chết 7 người, bị thương 5 người. Năm 2014 đến năm 2018 xảy ra 36 vụ, chết 30 người, bị thương 15 người, thiệt hại về tài sản trên 1 tỷ đồng.

Theo thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, trong thời gian 5 năm (2014 - 2018) đã kiểm sát điều tra tổng số là 22 vụ 23 bị cáo, truy tố 18 vụ 22 bị cáo, kiểm sát việc xét xử là 16 vụ 19 bị cáo, còn lại 3 vụ 4 bị cáo. Bình quân mỗi năm có khoảng 4,5 vụ gần 5 bị cáo, hàng năm lượng án không tăng, không giảm.

Còn theo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, số vụ án và số bị cáo thuộc nhóm các tội xâm phạm an toàn giao thông đường thủy vẫn bị đưa ra xét xử thường xuyên. Tuy nhiên chủ yếu tập trung vào tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, theo đó trong giai đoạn 2014-2018, số vụ và số bị cáo tương ứng với số liệu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau cung cấp.

Để đấu tranh và phòng ngừa và bảo đảm an toàn xã hội, an toàn về tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân.

Quá trình chứng minh tội phạm, qua đánh giá thực tiễn xét xử trong giai đoạn 05 năm (2014 - 2018) trên địa bàn tỉnh Cà Mau để chứng minh cho việc nghiên cứu đề tài có ý nghĩa rất quan trọng.

Để kịp thời xử lý tội phạm và người phạm tội được khách quan, chế định chứng cứ là một trung tâm của luật tố tụng hình sự. Chế định chứng cứ nói chung và khái niệm chứng cứ nói riêng, lần đầu tiên được quy định trong BLTTHS năm 1988, tiếp tục được hoàn thiện trong BLTTHS năm 2003. Đối với quá trình nghiên cứu và tiếp tục đề xuất hướng hoàn thiện quy định về chứng cứ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vì vậy, cần phải làm rõ khái niệm chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án liên quan đến đường thủy nội địa.

Trong tố tụng hình sự, mọi sự kiện, tình tiết của vụ án phải được các cơ quan có thẩm quyền tiến tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét và giải quyết tiến hành trên cơ sở chứng cứ, phải dựa vào chứng cứ để chứng minh những vấn đề trong vụ án hình sự. Như vậy, tính hợp pháp của chứng cứ thể hiện nó phải được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà BLTTHS quy định.

Chứng cứ phải được thu thập từ những nguồn chứng cứ và việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành.

Việc nghiên cứu về nguồn chứng cứ trong vụ án hình sự nói chung và chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nói riêng có ý nghĩa lớn cả về mặt pháp lý và có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đây là lý do tác giả lựa chọn đề tài: *“Chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy từ thực tiễn tỉnh Cà Mau”* làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chế định chứng cứ là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, đã được một số nhà khoa học - luật gia trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, trong thời gian qua việc nghiên cứu về các tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy được thể hiện ở nhiều góc độ khác nhau, trực tiếp và gián tiếp đã có một số công trình nghiên cứu được công bố, đồng thời thể hiện trên các bình diện - Luận văn, Luận án, Sách chuyên khảo, tham khảo, bình luận, cũng như giáo trình dành cho hệ đại học và một

số bài viết bình luận. Đối với đề tài “Chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy từ thực tiễn tỉnh Cà Mau” chưa có nhiều tác giả nghiên cứu mà chỉ thể hiện qua các chuyên đề; cụ thể: ThS. Phạm Văn Beo, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm - Bài 10), Khoa luật - Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, 2003; TS. Lê Văn Thư, Chương XXI - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trong sách Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2017; “Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong điều tra vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Đỗ Văn Dương, Luận án tiến sĩ năm 2000; TS. Đỗ Văn Dương, Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2006; Một số vấn đề về các loại nguồn chứng cứ trong BLTTHS Việt Nam năm 2015; GS.TS. Nguyễn Ngọc Anh, Luật sư, TS. Phan Trung Hoài, Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2018... Một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng, tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” chỉ được đề cập bằng bình luận những dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt hoặc chỉ xem xét dưới góc độ tội phạm học, phòng ngừa tội phạm. Hiện tại, tại địa bàn tỉnh Cà Mau chưa có công trình khoa học, tác giả nào nghiên cứu chuyên sâu về chuyên đề “Chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy từ thực tiễn tỉnh Cà Mau”. Do đó, tác giả tiếp tục nghiên cứu để nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về chứng cứ cũng như đề xuất một số giải pháp cần thiết bảo đảm áp dụng các quy định của pháp luật về chứng cứ liên quan đến loại tội phạm này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu có hệ thống về những vấn đề pháp lý cơ bản về chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy như: Khái niệm và những dấu hiệu pháp lý, chứng cứ và chứng minh trong quá trình THPT, phân biệt quy định pháp luật về chứng cứ trong các vụ án xâm phạm trật tự an toàn giao thông với một số loại tội phạm khác có liên quan trong

BLHS, đồng thời phân tích thực tiễn xét xử các tội phạm này trong giai đoạn 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Phân tích, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự dựa vào những quy định của BLTTHS Việt Nam về chứng cứ. Theo đó, đề xuất một số giải pháp cần thiết, hữu ích bảo đảm áp dụng các quy định của pháp luật về chứng cứ, góp phần nâng cao chất lượng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến loại tội phạm này.

Trên cơ sở hệ thống hóa các công trình nghiên cứu đã được nêu trên có liên quan đề tài luận văn, người nghiên cứu kế thừa một cách có chọn lọc để góp phần làm sâu sắc thêm lý luận về chứng cứ nói chung và chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Rút ra được những ưu điểm, hạn chế và những nguyên nhân còn tồn tại bất cập trong việc áp dụng lý luận chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự tại Cà Mau. Từ đó, đưa ra một số phương pháp và giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm thi hành đúng các quy định của pháp luật về chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa nghiên cứu có chọn lọc các công trình có liên quan đến đề tài luận văn đã được công bố. Trên cơ sở đó chọn lọc những nhân tố hợp lý để kế thừa, xây dựng những vấn đề cơ bản chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy như khái niệm, đối tượng chứng minh, quá trình chứng minh trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Khảo sát đúng thực trạng việc áp dụng chứng cứ trong việc giải quyết vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy từ thực tiễn tỉnh Cà Mau. Đưa ra được một số giải pháp cơ bản, có tính khả thi để nâng cao chất lượng giải quyết vụ án trên địa bàn tỉnh Cà Mau nói chung và cả nước nói chung.

Để mở rộng phạm vi nghiên cứu, cần tập trung vào những nội dung sau:

Làm rõ khái niệm nguồn chứng cứ, mở rộng nghiên cứu trong phạm vi khái niệm nguồn chứng cứ; trình tự thủ tục pháp luật quy định liên quan đến nguồn chứng cứ và chứng cứ trong một vụ án cụ thể mà tác giả đang nghiên cứu.

Phân tích lý luận về chứng cứ, chứng minh, các dấu hiệu nhận biết và những quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án cụ thể.

Trên cơ sở lý luận chung về chứng cứ, từ đó rút ra khái niệm. Phân tích đặc điểm của nguồn chứng cứ để xác định những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự.

Đối chiếu với thực tiễn thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ trong quá trình giải quyết một vụ án.

Từ đó, tác giả đề ra các yêu cầu, giải pháp không ngừng hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự về chứng cứ chứng minh. Nêu ra một số phương pháp cơ bản góp phần bảo đảm chất lượng chứng cứ và chứng minh vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trên địa bàn nghiên cứu theo tinh thần Nghị quyết Trung ương về chiến lược cải cách tư pháp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong giải quyết vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy như: khái niệm chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ, nguồn của chứng cứ, các yếu tố cấu thành tội phạm và quá trình chứng minh vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Khảo sát đúng thực trạng, rút ra được những ưu điểm, tồn tại, bất cập và các nguyên nhân của sự bất cập yếu kém trong việc áp dụng chứng cứ, chứng minh đối với vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Nêu lên một số giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án qua thực tiễn công tác.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Dựa vào các văn bản quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự để phân tích chế định chứng cứ, nguồn chứng cứ chứng minh. Phân tích việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với một số vụ án cụ thể trong giai đoạn 5 năm (2014 - 2018).

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả vận dụng phương pháp của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Theo đó lựa chọn một số phương pháp nghiên cứu đặc thù như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê lựa chọn điển hình, phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp so sánh đối chiếu để giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra từ đề tài của Luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Với kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chứng cứ của các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy một cách có hệ thống, toàn diện, sâu sắc. Luận văn góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, TTHS và xây dựng các giải pháp khác nhằm tăng cường công tác thu thập, đánh giá, bảo quản và sử dụng chứng cứ phục vụ cho công tác định tội danh và quyết định hình phạt đúng, chính xác đối với loại tội phạm vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nói riêng.

Quá trình phân tích đánh giá không những củng cố thêm về mặt lý luận mà còn dùng làm tư liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu, áp dụng thực tiễn của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm đảm bảo an toàn trật tự, trị an liên quan đến loại tội phạm “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm có 3 chương. Cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về chứng cứ và chứng minh trong vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Chương 2: Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định và điều khiển phương tiện giao thông đường thủy từ thực tiễn tỉnh Cà Mau.

Chương 3: Một số giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY

1.1. Chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

1.1.1 Những vấn đề chung về chứng cứ

Khái niệm chứng cứ là một trong những nội dung quan trọng của lý luận về chứng cứ. Nó là cơ sở để giải quyết một loạt vấn đề liên quan như thuộc tính của chứng cứ, các thủ tục thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ... góp phần quyết định vào việc giải quyết đúng đắn, khách quan từng vụ án hình sự; định nghĩa chính xác khái niệm chứng cứ còn ảnh hưởng không nhỏ tới việc xác định địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng, đảm bảo quyền tự do, dân chủ của công dân.

Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự là yêu cầu khách quan, tồn tại không phụ thuộc vào ý thức của những người THTT. Cho nên, không thể nói các vấn đề phải chứng minh là chính xác hay không chính xác, mà chỉ có thể nói chứng cứ phản ánh về chúng có chính xác hay không.

Khái niệm và chứng cứ trong TTHS Việt Nam được quy định tại Điều 86 và nguồn của chứng cứ tại Điều 87 của BLTTHS năm 2015.

Điều 86 của BLTTHS năm 2015 quy định: *“Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”*.

Trong BLTTHS, mọi sự kiện, tình tiết của vụ án phải được các cơ quan có thẩm quyền THTT, người có thẩm quyền THTT xem xét và giải quyết trên cơ sở chứng cứ, phải dựa vào chứng cứ để chứng minh những vấn đề trong vụ án hình sự. Chứng cứ là những thông tin, tài liệu, tình tiết được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo quy định của BLTTHS nhằm phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

Điều 87 BLTTHS thì nguồn chứng cứ:

“1. Chứng cứ được thu thập, xác định từ các nguồn:

a) Vật chứng;

b) Lời khai, lời trình bày;

c) Dữ liệu điện tử;

d) Kết luận giám định, định giá tài sản;

đ) Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án;

e) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác;

g) Các tài liệu, đồ vật khác.

2. Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự”.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của khái niệm về chứng cứ như đã trình bày trên và quá trình tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới về vấn đề này tại Điều 86 BLTTHS Việt Nam năm 2015 đã đưa ra khái niệm về chứng cứ một cách đầy đủ chính xác như sau: *“Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”.* Chứng cứ được xác định bằng: Vật chứng; Lời khai, lời trình bày; Dữ liệu điện tử; Kết luận giám định, định giá tài sản; Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; Các tài liệu, đồ vật khác.

Tóm lại, khái niệm chứng cứ trong BLTTHS năm 2015 đã bao hàm được mối quan hệ giữa hình thức tổ tụng và bản chất khách quan của chứng cứ, chủ thể và đối tượng chứng minh cũng như thể hiện đầy đủ các yếu tố nội hàm đặc trưng của chứng cứ.

Nghiên cứu quy định về những vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự cho thấy Điều 85 BLTTHS năm 2015 quy định như sau: Khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chứng minh:

- Hành vi phạm tội; thời gian; địa điểm và những tình tiết khác;

- Chủ thể, mục đích, động cơ thực hiện tội phạm; yếu tố lỗi; năng lực trách nhiệm hình sự;
- Đặc điểm về nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra;
- Nguyên nhân và điều kiện phạm tội;
- Những tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Các thuộc tính cơ bản của chứng cứ:

Một là, tính khách quan của chứng cứ được hiểu là tất cả các thông tin hay những gì có thật tồn tại khách quan trong vụ án hình sự. Theo Điều 86 của BLTTHS năm 2015, “Chứng cứ là những gì có thật...”. Điều đó nghĩa là trước hết chứng cứ là những thông tin, tài liệu, sự việc, dấu vết... khách quan, tồn tại độc lập không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người.

Trong thực tiễn khi THTT, việc xác định đúng tính khách quan của chứng cứ có ý nghĩa rất quan trọng trong chứng minh tội phạm. Do vậy, tuyệt đối không được áp dụng các thông tin bị xuyên tạc, bị làm giả để chứng minh sẽ dẫn đến lệch lạc, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Thuộc tính khách quan là thuộc tính tiên quyết, mang nội dung của chứng cứ, là thuộc tính bắt buộc đối với mọi chứng cứ.

Hai là, tính liên quan của chứng cứ thể hiện nó phải có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.

Những sự vật, hiện tượng, dấu vết, tài liệu... có thật nhưng nếu không liên quan đến tội phạm, người phạm tội thì không có ý nghĩa gì, cũng không phải là đối tượng mà các cơ quan THTT phải tìm cách phát hiện, thu thập vì không có ý nghĩa với quá trình THTT.

Chứng cứ là những thông tin, tài liệu, số liệu, sự việc, hiện tượng tồn tại khách quan trong vụ án hình sự mà các cơ quan THTT dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.

Trong quá trình THPT, thông thường các cơ quan THPT thu thập nhiều thông tin, tài liệu. Tuy nhiên, không phải thông tin, tài liệu thu thập được đều có thể trở thành chứng cứ mà chỉ những thông tin, tài liệu đó phải liên quan đến đối tượng chứng minh của vụ án hình sự mới có thể trở thành chứng cứ.

Ba là, tính hợp pháp của chứng cứ được hiểu là những gì có thật (tính khách quan) liên quan đến những vấn đề phải chứng minh của vụ án, được phản ánh lại hoặc ghi lại từ những nguồn của chứng cứ và được thu thập bằng những biện pháp thu thập chứng cứ do BLTTHS quy định.

Cần phân tích và nắm rõ quá trình thu thập chứng cứ theo trích dẫn tại Điều 88 của BLTTHS.

Tóm lại, nội dung của chứng cứ thể hiện qua ba thuộc tính đã được trình bày ở trên. Những thuộc tính này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau tạo nên một thể thống nhất trong chứng cứ và những thuộc tính bắt buộc đối với mọi chứng cứ. Hai thuộc tính đầu mang tính nội dung, thuộc tính sau cùng mang tính hình thức.

1.1.2. Những vấn đề phải chứng minh

Trong giải quyết vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền THPT có nhiệm vụ xác định sự thật khách quan của vụ án và các vấn đề khác có liên quan; đó là các vấn đề phải chứng minh trong vụ án hình sự, được xác định bởi bốn yếu tố cấu thành tội phạm. Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự bao gồm:

- Hành vi phạm tội? Thời gian? Địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội? Đây là những yếu tố thuộc mặt khách quan của tội phạm, làm rõ những vấn đề này sẽ xác định được hành vi phạm tội có xảy ra trên thực tế hay không, làm rõ về thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện phạm tội...

- Sau khi chứng minh có hành vi phạm tội xảy ra thì cơ quan có thẩm quyền THPT phải tiếp tục làm rõ: Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý (trực tiếp hay gián tiếp) hay vô ý (do quá tự tin hay do cẩu thả); có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội. Đây

là những yếu tố về chủ thể và mặt chủ quan của tội phạm, có ý nghĩa xác định người thực hiện hành vi có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không.

- Sau khi xác định được người đã thực hiện hành vi phạm tội và họ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của họ gây ra thì cơ quan có thẩm quyền THTT khởi tố và xác định những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Đây là những vấn đề cần phải chứng minh và có ý nghĩa đánh giá sâu về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, quyết định khung hình phạt, mức hình phạt và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự (nếu có). Việc làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội là một nội dung mới thuộc các đề phải chứng minh, là yêu cầu bắt buộc trong giải quyết vụ án hình sự, một nội dung cần đánh giá trong bản kết luận điều tra, bản cáo trạng. Việc xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội giúp các cơ quan có thẩm quyền THTT đưa ra hướng giải quyết để loại trừ nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm. Mặt khác, nó cũng đặt ra yêu cầu cho Hội đồng xét xử khi tiến hành thẩm vấn và điều hành việc tranh tụng tại phiên tòa cần tạo điều kiện cho các bên buộc tội và bên gỡ tội làm rõ vấn đề này, chứ không chỉ hạn chế trong việc thẩm tra, đánh giá chứng cứ hay viện dẫn “*giới hạn của việc xét xử*” để hạn chế quyền của các bên khi tham gia tố tụng.

- Các tình tiết liên quan đến miễn trách nhiệm hình sự như người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội; người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả cao vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được bị hại hoặc người đại diện của bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự. Các tình tiết liên quan đến miễn hình phạt như người phạm tội có thể được miễn hình phạt trong trường hợp phạm tội có hai tình tiết giảm nhẹ

quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể mà đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.

Kiểm tra chứng cứ bao gồm những phần việc sau đây:

Thứ nhất, phân tích, nghiên cứu nguồn chứng cứ nhằm xác định độ tin cậy của nó.

Thứ hai, so sánh, đối chiếu nguồn chứng cứ và chứng cứ đang được kiểm tra với các nguồn chứng cứ, các chứng cứ khác đã được thu thập trong vụ án hình sự, xác định sự tương quan, mức độ phù hợp để khẳng định hoặc phủ định chứng cứ đang được kiểm tra.

Thứ ba, thu thập thêm những chứng cứ mới nhằm xác định độ chính xác của chứng cứ đang được kiểm tra. Kiểm tra chứng cứ được coi là tư biện, nếu những người THPT chỉ so sánh, đối chiếu đơn thuần về mặt lô gíc hình thức giữa các chứng cứ với nhau và được coi là đầy đủ, toàn diện, khách quan, chính xác, nếu những người THPT tiến hành tổng hợp các biện pháp nhằm thẩm định lại những chứng cứ đã có hoặc thu thập thêm chứng cứ mới để phục vụ cho việc so sánh, đối chiếu với những chứng cứ đó. Điều quan trọng nhất là chứng cứ mới được thu thập phải được đối chiếu, so sánh với các chứng cứ đang được kiểm tra, nếu chúng cùng phản ánh về một tình tiết hoặc sự kiện phải chứng minh của vụ án.

Trong quá trình kiểm tra chứng cứ, những người THPT phải thực hiện nguyên tắc trực tiếp. Điều đó có nghĩa, những người THPT phải trực tiếp làm sáng tỏ bản chất, nội dung của chứng cứ và trực tiếp so sánh, đối chiếu chứng cứ đang được nghiên cứu đối với những cứ khác của vụ án.

1.1.3. Đánh giá chứng cứ và sử dụng chứng cứ

Đánh giá chứng cứ là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình chứng minh luôn luôn gắn liền quá trình thu thập và sử dụng chứng cứ. Để đánh giá chứng cứ có hiệu quả trước hết cần nắm vững khái niệm chứng cứ, nguyên tắc và phương pháp đánh giá chứng cứ.

Đánh giá chứng cứ là quá trình lô gic, bởi vì xét về bản chất thì đánh giá chứng cứ là hoạt động suy luận dựa trên cơ sở nhận thức và tri thức của người THPT về đối tượng đánh giá, suy luận về giá trị chứng minh của chứng cứ.

Quá trình chứng minh, chứng cứ không chỉ đóng vai trò xác định sự thật khách quan của vụ án, mà còn phản ánh bản thân quá trình xác định sự thật khách quan đó. Trong hoạt động tố tụng hình sự, các cơ quan THPT chỉ có thể xác định các tình tiết của vụ án bằng chứng cứ để từ đó, có cơ sở nhận định tội phạm có thể xảy ra hay không và nếu tội phạm có xảy ra, thì quyết định áp dụng các biện pháp tố tụng cần thiết. Điều đó có nghĩa, chứng cứ là phương tiện khẳng định các sự kiện, hiện tượng đã không xảy ra trong thực tế. Vì những lẽ đó, việc xác định khái niệm chứng cứ là vấn đề rất quan trọng trong tố tụng hình sự.

Đánh giá chứng cứ là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình chứng minh luôn luôn gắn liền với quá trình thu thập và sử dụng chứng cứ. Để đánh giá chứng cứ có hiệu quả trước hết cần nắm vững khái niệm, nguyên tắc và phương pháp đánh giá chứng cứ. Dưới góc độ thông tin, đánh giá chứng cứ được xem là quá trình xử lý và tích tụ thông tin. Thông qua đó, người đánh giá xác định giá trị chứng minh của từng chứng cứ và đưa vào hồ sơ vụ án, loại bỏ những tài liệu không có giá trị chứng minh và không có liên quan đến vụ án.

Đánh giá chứng cứ trước hết là xử lý thông tin và chính quá trình xử lý thông tin dẫn đến tích tụ những thông tin hay nói cách khác là tích tụ những chứng cứ đã thu thập được về vụ án.

Đánh giá chứng cứ còn có đặc điểm khác với việc đánh giá các sự vật, hiện tượng thông thường, bởi vì chứng cứ được dùng làm phương tiện để chứng minh tội phạm nên pháp luật có tác động rất lớn đến việc đánh giá chứng cứ, vai trò đó trước hết thuộc về luật TTHS đề ra các nguyên tắc của việc đánh giá chứng cứ. Các nguyên tắc đó là nguyên tắc khách quan, toàn diện, đầy đủ và nguyên tắc không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo là chứng cứ duy nhất để kết tội... Cùng với pháp luật, ý thức pháp luật của người đánh giá cũng đóng vai trò quan trọng đối với quá trình đánh giá chứng cứ.

1.1.4. Nguyên tắc sử dụng chứng cứ

Mục đích, yêu cầu của việc đánh giá chứng cứ nhằm vào việc xác định độ tin cậy và giá trị chứng minh của từng chứng cứ, bảo đảm hiệu lực chứng minh của hệ thống chứng cứ. Việc bảo đảm mục đích và yêu cầu đó trong đánh giá chứng cứ thường gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp, dễ dẫn đến sai lầm, nhất là trong giai đoạn này chịu tác động của nhiều yếu tố.

Việc sử dụng chứng cứ phải tuân thủ một số nguyên tắc đó là:

Chấp hành nguyên tắc khách quan toàn diện và đầy đủ trong tố tụng hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chỉ được sử dụng những chứng cứ đã được phát hiện, thu thập theo đúng quy định của pháp luật TTHS.

Tôn trọng sự thật khách quan của vụ án, đòi hỏi chỉ được sử dụng những chứng cứ đã qua nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá bảo đảm độ tin cậy vững chắc (sự phù hợp của nó với thực tế vụ án). Tính liên quan, độ tin cậy và sự đầy đủ của chứng cứ. Chứng cứ có liên quan là chứng cứ khẳng định hay bác bỏ một sự kiện nào đó cần tìm trong quá trình chứng minh. Trước hết phải xem xét nó có quan hệ như thế nào đối với vụ án sau đó mới xem xét đến giá trị chứng minh. Không được phép sử dụng chứng cứ suy đoán vượt ngoài khả năng chứng minh của chứng cứ.

Sử dụng chứng cứ phải bảo đảm tính toàn diện và đầy đủ, không chỉ coi trọng chứng cứ trực tiếp mà xem nhẹ chứng cứ gián tiếp; không chỉ sử dụng chứng cứ buộc tội mà còn sử dụng cả chứng cứ gỡ tội. Khi ra kết luận về vụ án, về trách nhiệm hình sự của bị can phải sử dụng tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được để đưa ra những kết luận chính xác về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng như những vấn đề khác có liên quan, trên cơ sở đó áp dụng luật hình sự để ra đường lối xử lý người phạm tội được đúng đắn. Trong mọi trường hợp chưa đủ chứng cứ hoặc còn nghi ngờ thì không được sử dụng để kết luận về vụ án.

Chứng cứ đánh giá được đến đâu phải sử dụng ngay đến đó. Sau khi kiểm tra, đánh giá phải kịp thời sử dụng chứng cứ để làm cơ sở thu thập tài liệu, chứng cứ mới và có thể phải ra quyết định tố tụng ngay nhằm đảm bảo tính nhanh chóng khẩn trương của các biện pháp tố tụng như: Ra lệnh bắt và khám xét khẩn cấp khi có căn

cứ để nhận định trong người, chỗ ở, địa điểm của một người nào đó có dấu vết của tội phạm, có công cụ, phương tiện phạm tội hoặc đủ cơ sở chứng minh người đó đã thực hiện hành vi phạm tội và có biểu hiện trốn, tiêu hủy hoặc tẩu tán tài sản, vật chứng.

Việc sử dụng chứng cứ không bảo đảm yếu tố bí mật thì sẽ bị lộ ý đồ điều tra, việc thu thập chứng cứ mới không đạt được, chẳng hạn việc sử dụng chứng cứ hỏi cung khi bị can khai ra đồng bọn... Có những chứng cứ có thể sử dụng công khai để kết luận tội lỗi của bị can nhưng có những chứng cứ cần phải được giữ bí mật để đảm bảo công tác đấu tranh lâu dài, những chứng cứ liên quan đến lợi ích sống còn và bí mật quốc gia thì không được sử dụng mà nên sử dụng nhiều chứng cứ khác nhau.

Phương pháp sử dụng chứng cứ.

Mỗi chứng cứ không tồn tại độc lập mà luôn nằm trong mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau với những chứng cứ khác và cùng phản ánh vụ phạm tội đã xảy ra.

Do cơ chế hình thành và đối tượng mà chứng cứ nhằm vào để chứng minh khác nhau, dẫn đến phương pháp sử dụng chứng cứ sẽ có một hoặc một nhóm các biện pháp, thủ thuật sử dụng đặc thù. Mặt khác, việc sử dụng chứng cứ nhằm nhiều mục đích khác nhau và mục đích cụ thể của việc sử dụng chứng cứ này hay chứng cứ khác còn phù thuộc vào từng tình huống nhất định như sử dụng chứng cứ để xác định vật chứng trong quá trình khám xét; để đấu tranh buộc bị can phải khai ra đồng bọn; sử dụng tổng hợp các chứng cứ để xác định sự thật vụ án trong giai đoạn kết thúc điều tra... Cho nên phương pháp sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự là cách thức hợp lý để sử dụng một hoặc tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được để đạt được mục đích chứng minh nào đó trong từng tình huống tố tụng cụ thể.

- *Đối với chứng cứ từ lời khai* là những thông tin về các tình tiết của vụ án được phản ánh thông qua ý thức chủ quan của con người nên trong nhiều trường hợp, những thông tin do người làm chứng, bị hại, bị can, bị cáo cung cấp cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thể không chuẩn xác.

Việc hình thành chứng cứ lời khai liên quan đến rất nhiều yếu tố như: Điều kiện tiếp thu, đặc điểm về tâm sinh lý cũng như mối quan hệ của người cung cấp thông tin về vụ án. Chẳng hạn, việc hình thành lời khai của người làm chứng chịu tác động của các yếu tố như tiếp thu sự kiện phạm tội trực tiếp hay gián tiếp; những đặc điểm về trí nhớ, trạng thái tâm lý bình tĩnh hay sợ hãi khi chứng kiến vụ phạm tội; mối quan hệ của người làm chứng đối với bị can hoặc bị hại. Vì vậy, phải chấp hành đầy đủ các quy định của luật TTHS khi đánh giá và sử dụng những tình tiết do người làm chứng, bị hại và bị can cung cấp, đó là:

- Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng, bị hại trình bày nếu họ không thể chứng minh vì sao biết được tình tiết đó.

- *Lời nhận tội của bị can.* Để sử dụng chứng cứ từ lời khai đạt hiệu quả trong từng tình huống cụ thể thì phải sử dụng đồng bộ, tổng thể các lời khai hoặc phải kết hợp với việc sử dụng chứng cứ vật chất (dấu vết, vật chứng). Lời khai của người làm chứng, bị can có thể gian dối hoặc nhầm lẫn, nhưng dấu vết, vật chứng thì tự nó nói lên những thông tin về sự kiện thực tế không thể “dối ai” được bao giờ, mặc dù loại chứng cứ vật chất có thể được giả tạo nhưng dễ bị chứng cứ khác phủ nhận, bác bỏ dễ dàng hơn loại chứng cứ từ lời khai.

Sử dụng chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội.

Sử dụng chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp.

Như vậy, để kết luận chính xác về tình tiết cần chứng minh thì không thể chỉ dùng một vài chứng cứ gián tiếp riêng rẽ mà phải tổng hợp các chứng cứ gián tiếp thành hệ thống, đảm bảo chắc chắn độ tin cậy và cho phép rút ra giá trị chứng minh. Phương pháp hệ thống được tiến hành bằng cách đối chiếu, so sánh, phân tích, lô gíc để xác lập hệ thống chứng cứ gián tiếp...

Sử dụng chứng cứ phải đảm bảo tính kịp thời. Phải xác định được thời điểm thích hợp để sử dụng chứng cứ có giá trị chứng minh cao nhất.

Thực tế đã chứng minh rằng thời điểm thích hợp để đưa chứng cứ có giá trị cao nhất đấu tranh với người bị xét hỏi là khi họ có biểu hiện hoang mang, dao động, lúng túng trong quá trình khai báo. Tại thời điểm này, việc sử dụng chứng cứ

thường phát huy tác dụng cao nhất. Để xác định được thời điểm thích hợp, người xét hỏi cần dựa vào kinh nghiệm nghề nghiệp và kết quả phân tích, đánh giá thái độ ứng xử của người bị xét hỏi trong khi khai báo và dự kiến sát hợp rằng, nếu đưa chứng cứ có giá trị cao nhất vào thời điểm này sẽ khuất phục được họ phải khai nhận trung thực và đầy đủ.

Tuy nhiên, khi sử dụng thủ thuật chứng cứ có giá trị chứng minh cao nhất, cần chú ý một số đặc điểm quan trọng như: Phải xem xét kỹ lưỡng, tính toán nhiều góc độ để có thể tin tưởng một cách chắc chắn rằng việc sử dụng chứng cứ đó sẽ không đủ lay chuyển thái độ khai báo ngoan cố của người bị xét hỏi thì không nên áp dụng thủ thuật này; cần dự kiến trước các xử lý, nếu đưa chứng cứ có giá trị chứng minh cao nhất mà người bị xét hỏi phủ nhận hoặc không thay đổi thái độ khai báo; phải coi trọng việc xác định đúng thời điểm để đưa chứng cứ ra đấu tranh. Đây là những yếu tố cần và đủ để có thể áp dụng thủ thuật sử dụng chứng cứ có giá trị chứng minh cao nhất.

Nguồn của chứng cứ là chứng cứ phải đảm bảo sử dụng nhiều lần. Đảm bảo vật chứng trở thành chứng cứ khi có đủ ba thuộc tính của chứng cứ.

Không được xử lý vật chứng trước khi có quyết định của người có thẩm quyền, xử lý vật phải theo đúng quy định của pháp luật TTHS, không được làm mất mát, hư hỏng, thất lạc chứng cứ vì trong một vụ án, vật chứng là chứng cứ không thể thay thế được, vật chứng được phát hiện, thu thập ngay từ giai đoạn điều tra, có nhiều vật chứng việc bảo quản rất phức tạp, khó khăn. Tuy nhiên, để đảm bảo sử dụng chứng cứ bằng vật chứng vào việc chứng minh vụ án đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người THTT phải tuân thủ nghiêm chỉnh những quy định của BLTTHS.

Đặc biệt phải thận trọng khi sử dụng vật chứng là công cụ, hung khí, là vũ khí, chất nổ, những vật mang vết, dễ vỡ, dễ bị xóa dấu vết, những tài liệu chỉ có một bản là chứng cứ gốc chứng minh hành vi phạm tội của bị can, bị cáo... Khi sử dụng để đấu tranh với bị can, bị cáo tuyệt đối không được đưa cho bị can, bị cáo trực tiếp cầm, nắm vật chứng, đề phòng bị can, bị cáo sử dụng ngay hung khí, vũ khí đó để

không chế, hành hung người THPT hoặc chúng có thể tiêu hủy, xóa dấu vết làm mất giá trị chứng minh của chứng cứ.

1.2. Các loại nguồn của chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

1.2.1. Chứng cứ trong vụ án và các yếu tố cấu thành tội phạm “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”

Khái niệm: Chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do BLTTHS hiện hành quy định được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Để nắm được bản chất của khái niệm và chứng cứ trong giải quyết vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy chúng ta cần làm rõ các thuộc tính tồn tại trong khái niệm này:

Trước hết là thuộc tính khách quan: Tính khách quan là thuộc tính đầu tiên quan trọng của chứng cứ trong vụ án, nghĩa là những gì tồn tại khách quan không phụ thuộc ý muốn chủ quan của cơ quan, người THPT và những người có liên quan đến vụ án như: những số liệu, tài liệu, sự kiện trong điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, số lượng người chết, thương tích, bằng lái, tình trạng sử dụng rượu bia, phương tiện giao thông đường thủy, tuyến đường thủy, quy trình điều khiển phương tiện... Đây là những số liệu, tài liệu quan trọng để xác định chứng cứ của vụ án.

Hai là, thuộc tính liên quan của chứng cứ vụ án. Nghĩa là những gì có thật trong vụ án, phải liên quan đến những vấn đề phải chứng minh hay đối tượng chứng minh của vụ án. Thực tiễn các vụ án giao thông đường thủy thì những gì có thật xảy ra rất đa dạng và phong phú. Nhưng không phải những gì có thật xảy ra của vụ án đều có thể trở thành chứng cứ của vụ án mà chỉ những gì có thật của vụ án phải liên quan đến những vấn đề phải chứng minh mới có thể trở thành chứng cứ của vụ án. Thuộc tính này có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập chứng cứ, giới hạn được

những gì có thật phải thu thập và những gì có thật xảy ra trong vụ án nhằm nâng cao hiệu quả của thu thập chứng cứ.

Ba là, thuộc tính hợp pháp của chứng cứ vụ án. Tính hợp pháp của chứng cứ vụ án được hiểu là những gì có thật xảy ra phải liên quan đến những vấn đề phải chứng minh, phải được phản ánh lại, ghi lại từ những nguồn chứng cứ theo quy định tại Điều 87 của BLTTHS năm 2015 và phải thu thập nó bằng những biện pháp thu thập chứng cứ do BLTTHS quy định tại Điều 88 của BLTTHS năm 2015.

Tóm lại, chứng cứ trong vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy được phản ánh đầy đủ ba thuộc tính đã trình bày ở trên. Những thuộc tính này có quan hệ biện chứng qua lại lẫn nhau, tác động qua lại lẫn nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong khái niệm chứng cứ của vụ án. Mỗi thuộc tính có một vị trí nhất định trong chứng cứ, tác động đến các thuộc tính khác làm cơ sở cho các thuộc tính khác của vụ án cũng như bảo đảm tính chính xác về khái niệm chứng cứ của vụ án.

Mối tương quan của các thuộc tính của chứng cứ vụ án này còn thể hiện mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Hai thuộc tính đầu mang tính nội dung, thuộc tính sau mang tính hình thức. Nội dung quyết định hình thức, hình thức phản ánh nội dung, bảo đảm tính xác thực của chứng cứ trong vụ án. Ba thuộc tính này là những thuộc tính bắt buộc đối với mọi chứng cứ của vụ án. Thiếu một trong ba thuộc tính trên không bao giờ trở thành chứng cứ của vụ án.

Để làm rõ nội hàm pháp lý của hoạt động chứng minh vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy chúng ta cần làm rõ đối tượng chứng minh của vụ án này là phải thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh cho được ba nhóm cơ bản sau đây của vụ án. Phải thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh cho được những vấn đề thuộc về bản chất của vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nghĩa là phải thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh cấu thành tội phạm vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy quy định tại Điều 272 của BLTTHS năm 2015.

Trước hết, phải xem xét đến nguồn chứng cứ. Quá trình xem xét đến nguồn chứng cứ cần phải nắm được nguồn chứng cứ là những sự vật chứa đựng chứng cứ, tức chứa đựng các thông tin, tư liệu tồn tại trong thực tế khách quan, liên quan đến vụ án và được thu thập theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Dữ liệu điện tử: Thực tiễn hiện nay, các đối tượng đã triệt để lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ để thực hiện và che giấu tội phạm, nên để giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự, việc thu thập các chứng cứ điện tử là rất quan trọng, dữ liệu điện tử là nguồn chứng cứ là cần thiết, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Kết luận định giá tài sản: Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự các cơ quan có thẩm quyền THTT phải trung cầu định giá tài sản làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án, nhưng kết luận định giá tài sản chưa được BLTTHS 2003 quy định là nguồn chứng cứ. Vậy nên, BLTTHS 2015 đã bổ sung kết luận định giá là nguồn chứng cứ mới.

Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác trong đấu tranh chống tội phạm: Ủy thác tư pháp chính là việc yêu cầu bằng văn bản của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam về việc thực hiện một hoặc một số hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật của nước có liên quan hoặc theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã tham gia như các trường hợp dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam và nước ngoài.

1.2.2 Các yếu tố cấu thành tội phạm vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

Các dấu hiệu thuộc về mặt khách thể của tội phạm

Khách thể có một trong các dấu hiệu sau: Hành vi phạm tội xâm phạm đến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường thủy, ngoài ra còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác.

Đối tượng tác động của tội phạm này chính là phương tiện giao thông đường thủy gồm: tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy xâm phạm đến chế độ bảo đảm an toàn trong hoạt động giao thông đường thủy, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Tội phạm này được quy định để phòng ngừa, đấu tranh chống các vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy nhằm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy, an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân.

Bảo đảm an toàn công cộng, trật tự công cộng là một bộ phận quan trọng trong quản lý xã hội - một trong những chức năng cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời cũng là nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Để đảm bảo an toàn công cộng, trật tự công cộng cần kết hợp chặt chẽ, đồng bộ các biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục, thuyết phục và cưỡng chế.

Tương tự đối với các tội xâm phạm an toàn giao thông đường thủy khác, tội phạm vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy theo quy định tại Điều 272 BLHS năm 2015.

Điều 272 là một quy phạm viện dẫn, nó không trực tiếp chỉ ra những quy định cụ thể nào về an toàn giao thông đường thủy có thể bị vi phạm. Do đó, để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm thì các cơ quan tố tụng cần phải xác định rõ những quy định cụ thể nào về an toàn giao thông đường thủy đã bị xâm hại theo quy định tại “Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường thủy và trật tự an toàn giao thông”. Đối tượng tác động của tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” là các loại phương tiện giao thông đường thủy nói chung, bao gồm tàu, thuyền có động cơ, bè mảng; các cấu trúc nổi được sử dụng vào mục đích giao thông, vận tải hoặc kinh doanh, dịch vụ trên đường thủy nội địa.

Cho dù các loại phương tiện này dù là của bất cứ một chức hay một cá nhân nào nếu hoạt động, tham gia giao thông trên các tuyến đường thủy đều phải tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật về An toàn giao thông trên tuyến đường mình tham gia.

Các dấu hiệu thuộc về khách quan của tội phạm

Yếu tố tiếp theo trong cấu thành tội phạm là mặt khách quan của tội phạm.

Hành vi khách quan: Người phạm tội này đã có hành vi vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy là không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quy định an toàn giao thông đường thủy. Ví dụ: Khoản 1 Điều 36 của Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định: thuyền trưởng, người lái phương tiện khi điều khiển phương tiện hoạt động trên đường thủy nội địa phải tuân theo quy tắc giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa quy định của Luật này.

Để xác định có hành vi vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy thì phải căn cứ vào Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Mặt khách quan

Mặt khách quan của tội phạm này có các dấu hiệu sau:

- Về hành vi:

Có hành vi vi phạm được thể hiện qua các hành vi cụ thể sau:

+ Chạy quá tốc độ quy định cho các loại phương tiện giao thông đường thủy như: xuồng, ghe, tàu, xà lan...

+ Chở quá tải trọng cho phép...

+ Chạy sai luồng, lạch...

+ Đậu phương tiện không đúng nơi quy định cho phép đậu...

- Dấu hiệu khác:

Có một trong các dấu hiệu sau:

+ Làm chết người;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

Vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định về an toàn giao thông đường thủy (như vi phạm quy tắc giao thông đường thủy; vi phạm quy định về tín hiệu của phương tiện; vi phạm về hoạt động của phương tiện trong phạm vi bến cảng, bến thủy nội địa; vi phạm quy định về vận chuyển hành khách; vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên phương tiện; vi phạm chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của phương tiện; vi phạm quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm; vi phạm quy định về hoa tiêu) và hành vi này phải là nguyên nhân trực tiếp gây ra hậu quả về tính mạng, sức khỏe và tài sản.

Do điều luật là một quy phạm viện dẫn, trong đó không chỉ ra các quy định cụ thể về an toàn giao thông đường thủy bị vi phạm. Để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm cần xác định rõ các quy định cụ thể trong Luật Giao thông đường thủy nội địa và các văn bản chi tiết, hướng dẫn thi hành bị vi phạm.

Người điều khiển phương tiện giao thông đường thủy là người có liên quan trực tiếp (thuyền trưởng, thuyền phó, hoa tiêu, người lái phương tiện) đến việc bảo đảm an toàn của phương tiện giao thông đường thủy.

Về hậu quả: Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành của tội phạm này. Để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 272 cần xác định được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy và hậu quả xảy ra. Mức độ thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác được định lượng cụ thể tại các điểm a, b, c, d khoản 1; đ, e, g khoản 2; a, b, c khoản 3 của điều luật là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Mức độ thiệt hại được tính theo thiệt hại ban đầu ngay sau khi xảy ra tai nạn. Hậu quả của mức độ thực hiện tội phạm từ thời điểm xảy ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Nếu hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường thủy mà chưa gây ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác thì chưa cấu thành tội phạm, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của điều luật (vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trong trường

hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này, nếu không được ngăn chặn kịp thời).

Đối với các tội quy định tại Điều 260 và 267 BLHS năm 2015 trong khi chưa có hướng dẫn chính thức. Thiệt hại là hậu quả trực tiếp do hành vi vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy gây ra.

Các dấu hiệu khách quan khác: Một số dấu hiệu khách quan khác là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm như: phương tiện giao thông đường thủy (tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ hoạt động trên đường thủy nội địa). Mỗi loại phương tiện lại có quy định riêng. Ví dụ: Phương tiện thô sơ là phương tiện không có động cơ chỉ di chuyển bằng sức người hoặc gió, sức nước. Bè là phương tiện được kết ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác để chuyển đi hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển tạm thời trên đường thủy nội địa.

Hành vi vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy thường được biểu hiện ở những vi phạm sau đây: Không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, loại phương tiện theo quy định; trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác; bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn; không chấp hành hiệu lệnh của người chỉ huy hoặc người có thẩm quyền điều khiển, giữ gìn trật tự, an toàn giao thông đường thủy;

Để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” theo Điều 272 BLHS năm 2015 thì cần phải xác định những quy định cụ thể nào bị vi phạm căn cứ vào “Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường thủy và trật tự an toàn giao thông thủy nội địa”.

Hậu quả

Hành vi khách quan là hành vi đưa vào sử dụng (lưu hành) các phương tiện giao thông vận tải đường thủy rõ ràng là không đảm bảo an toàn về mặt kỹ thuật. Vì thế để xác định hành vi có cấu thành tội phạm hay không, chúng ta cần làm rõ phương tiện giao thông đó có đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật hay không. Cơ sở để xác định

phương tiện giao thông là không đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật là luật giao thông đường thủy nội địa. Ngoài ra, đối với loại tội phạm này có cấu thành vật chất thì cần dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng”.

Đối với cấu thành tội phạm của tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”, hậu quả là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, là một dấu hiệu bắt buộc. Hành vi vi phạm chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu đã gây thiệt hại về tính mạng, thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe tài sản của người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 của điều luật (Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời). Đối với khoản 4 Điều 272 BLHS năm 2015 quy định nếu hành vi xâm phạm đến an toàn giao thông đường thủy nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng thì bị xử phạt hành chính.

Việc xác định thiệt hại cũng tương tự như đối với tội vi phạm quy định về an toàn giao thông. Trong khi chưa có hướng dẫn chính thức, chúng ta có thể vận dụng Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Điều 260 BLHS năm 2015 để xác định thiệt hại tính mạng hoặc thiệt hại nghiêm trọng đối với sức khỏe, tài sản của người khác do hành vi cản trở giao thông đường thủy cũng trực tiếp gây ra thiệt hại nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc tài sản.

Theo khoản 2 Điều 4 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: “Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa là trách nhiệm của toàn xã hội, của chính quyền các cấp, của tổ chức, cá nhân quản lý hoặc trực tiếp tham gia giao thông; thực hiện đồng bộ các giải pháp về kỹ thuật, an toàn của phương tiện, kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho người tham gia giao thông đường thủy nội địa; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật”.

Những biểu hiện khác của mặt khách quan trong cấu thành tội phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”

Ngoài các nội dung biểu hiện như hành vi khách quan, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả, mặt khách quan của tội phạm còn có những nội dung biểu hiện khác như: phương tiện, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội... Tuy nhiên, những nội dung này không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm đối với tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”. Quá trình chứng minh, xác định chính xác thời gian, địa điểm, điều kiện để thực hiện hành vi tội phạm có ý nghĩa sau khi quyết định hình phạt.

Chủ thể của tội phạm

Là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Chủ thể của tội phạm này không phải là chủ thể đặc biệt, nhưng chỉ những người điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy mới là chủ thể của tội phạm này.

Người điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy là người trực tiếp điều khiển các phương tiện như: Tàu, thuyền có động cơ hoặc không có động cơ; bè mảng; các cấu trúc nổi được sử dụng vào mục đích giao thông, vận tải hoặc kinh doanh dịch vụ trên đường thủy nội địa.

Người chưa đủ 14 tuổi và người ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự không phải là chủ thể của tội phạm nói chung. Đối với tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”, chủ thể của tội phạm là chủ thể thường. Bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự, trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, trong đó bao gồm cả người trực tiếp điều khiển các phương tiện đường thủy.

Tội phạm này được thực hiện do vô ý và không có trường hợp nào là tội đặc biệt nghiêm trọng do đó người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Năng lực trách nhiệm hình sự: Là điều kiện cần thiết để có thể xác định con người có lỗi khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ có người có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm. Là điều kiện cấu thành để có thể xác định con người có thể có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ những người nào có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm.

Các dấu hiệu thuộc về chủ quan của tội phạm. Trong tội phạm luôn tồn tại hai mặt khách quan và chủ quan. Các tội phạm đều được thực hiện với lỗi vô ý đối với hậu quả, tức là hậu quả xảy ra, người phạm tội tuy có thể và buộc phải thấy trước nhưng đã không thấy trước hoặc đã thấy trước nhưng người phạm tội tin rằng hậu quả đó không xảy ra hoặc sẽ được ngăn ngừa.

Về lỗi

Về mặt chủ quan của tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý (vô ý vì quá tự tin hoặc vô ý vì cầu thả).

Tội phạm đều được thực hiện với lỗi vô ý đối với hậu quả, tức là hậu quả xảy ra người phạm tội tuy có thể và buộc phải thấy trước nhưng đã không thấy trước hoặc đã thấy trước nhưng người phạm tội tin rằng hậu quả đó không xảy ra hoặc sẽ được ngăn ngừa.

Đối với lỗi do vô ý có thể phân tích và đánh giá qua nhiều yếu tố, có thể là vô ý do quá tự tin hoặc vô ý do cầu thả.

Vô ý do quá tự tin là mặc dù thấy trước được hành vi có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội, nhưng không nghĩ sẽ xảy ra hậu quả không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được hậu quả. Được thể hiện trong những trường hợp như điều khiển phương tiện đi không đúng tuyến, đúng làn, không giảm tốc đối với những nơi bị hạn chế tầm nhìn, làn lách, lệch tuyến, không trang bị thiết bị chiếu sáng khi đi vào ban đêm... do tự tin vào sự khéo léo, sự hiểu biết và kinh nghiệm nghề nghiệp của mình mà cho rằng tai nạn không thể xảy ra, tuy nhiên nhận định chủ quan đó của người phạm tội là không có cơ sở. Từ đó, dẫn đến hậu quả của tai nạn trái với ý muốn và nhận thức của họ.

Người phạm tội trong trường hợp vô ý vì cầu thả có nghĩa vụ phải thấy trước và có đủ điều kiện để có thể thấy trước hậu quả thiệt hại của hành vi của mình. Điều này xuất phát từ trách nhiệm cụ thể của cá nhân và hoàn cảnh. Cụ thể, trong trường hợp như người điều khiển phương tiện giao thông đường thủy chưa được tuyên truyền học tập, đào tạo chứng nhận chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; phương tiện không đủ điều kiện để tham gia giao thông; tự tin trong khi điều khiển tránh vược phương tiện khác khi bị che khuất, hạn chế tầm nhìn...

Như vậy, chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy bao gồm những loại nguồn chứng cứ, quá trình chứng minh chứng cứ được sử dụng để giải quyết trong vụ án có thể là: Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng... Ngoài ra, còn có những tài liệu, đồ vật khác như: Kết quả kiểm tra nồng độ cồn đối với người vi phạm, biên bản giám định kỹ thuật của phương tiện (vật chứng chính của vụ án) để xác định mức độ và nguyên nhân gây thiệt hại. Đối với các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau đa phần là người gây tai nạn không có chứng chỉ (không đủ điều kiện) điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, điều khiển phương tiện trong khi đã có sử dụng rượu bia, chuyển hướng sai quy tắc. Đồng thời, vụ án xảy ra thường ít có người chứng kiến, thường diễn ra vào ban đêm khi giới hạn về kiểm soát tầm nhìn không đảm bảo, phương tiện không trang bị phao cứu sinh, công cụ chiếu sáng khi cần thiết. Đó là những nguyên nhân chính gây nên các vụ tai nạn.

1.3. Chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

1.3.1. Thu thập chứng cứ

Thu thập chứng cứ trong vụ án hình sự là tổng hợp của các hành vi tố tụng hình sự do các chủ thể được pháp luật quy định để phát hiện thu giữ, ghi nhận và bảo quản chứng cứ. Để phát hiện chứng cứ của vụ án phải biết rõ các nguồn phản ánh khách nhau như khám nghiệm hiện trường, hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, thời gian...

Khi phát hiện được chứng cứ phải ghi nhận các sự kiện, số liệu của vụ án phải được ghi lại phản ánh lại từ những nguồn của chứng cứ theo quy định của pháp luật hiện hành. Biết bảo quản tốt những chứng cứ đã thu thập về vụ án, tùy theo hình thức tính chất của từng chứng cứ mà lựa chọn cách bảo quản phù hợp với quy định của pháp luật.

Chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ: Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 cũng quy định, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có quyền xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ. Điều 252 quy định lại các quyền này và có bổ sung việc Tòa án tiếp nhận hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án. Xét về bản chất thì đó cũng là các hoạt động điều tra của Tòa án trước khi xét xử vụ án. Tòa án sẽ thực hiện việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ khi Viện kiểm sát không bổ sung được theo yêu cầu của Tòa án, nghĩa là vụ án đã được trả để điều tra bổ sung nhưng không thực hiện được. Tòa án tự mình tiến hành một số hoạt động điều tra và khi đó trách nhiệm hoàn toàn thuộc về Tòa án. Theo tôi, đây là quy định mới tiến bộ bảo đảm quyền độc lập của Tòa án nói chung và Hội đồng xét xử nói riêng, Tòa án hoàn toàn có thẩm quyền xác minh, thu thập hoặc bổ sung chứng cứ nếu thấy cần thiết không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát.

1.3.2. Kiểm tra, xác minh lại chứng cứ đã thu thập về vụ án trước khi sử dụng chứng cứ chứng minh đối với vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

Việc kiểm tra chứng cứ đã thu thập được về vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy trước khi sử dụng chứng minh vụ án là vấn đề có tính nguyên tắc. Bởi vì:

Chứng cứ của vụ án là một khái niệm trừu tượng được thể hiện qua ba thuộc tính cơ bản. Tuy nhiên, khi phát hiện và thu thập chứng cứ lại phụ thuộc vào nhiều chủ thể khác nhau, chủ yếu dựa vào thái độ chủ quan của chủ thể thu thập chứng cứ về các sự kiện có thật của vụ án.

Về tính khách quan của những gì có thật đối với những vấn đề phải được chứng minh và tính hợp pháp của các biện pháp thu thập và nguồn phản ánh chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, phải kiểm tra xác minh lại chứng cứ đã được thu thập trước khi sử dụng chứng minh đối với loại vụ án này.

1.3.3. Đánh giá chứng cứ, nhận định và kết luận bản chất của vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

Đánh giá chứng cứ, nhận định và kết luận bản chất của vụ án là khâu cuối của quy trình chứng minh vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình chứng minh của vụ án này.

Bởi vì:

Đánh giá chứng cứ là hoạt động tư duy lô gíc của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm trên cơ sở quy định của pháp luật nhằm xác định tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp của từng chứng cứ về giá trị chứng minh của tổng hợp các chứng cứ đã thu thập được về vụ án hình sự này.

Đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự đã trả lời được những câu hỏi như: Chứng cứ đã thu được đã đáp ứng đầy đủ các thuộc tính của chứng cứ chưa? Được sử dụng chứng minh của vụ án hình sự này không? Các chứng cứ thu được đã chứng minh được những vấn đề nào? Hay chứng minh được toàn bộ những vấn đề phải chứng minh của vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy hay chưa? Khi có đủ chứng cứ cho vụ án thì Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán... nhận định về kết luận bản chất của vụ án về định tội danh và quyết định hình phạt cho các chủ thể thực hiện tội phạm này.

Tóm lại, đánh giá chứng cứ, nhận định kết luận bản chất của vụ án hình sự này có ý nghĩa quan trọng trong việc chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy. Đánh giá chứng cứ được luật tố tụng hình sự quy định là căn cứ để đi đến các nhận định và các kết luận, các quyết định trong việc giải quyết vụ án hình sự. Đối với vụ

án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy dựa vào nguyên tắc cơ bản là:

- *Một là*, phải căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành như BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Để giải quyết được vụ án hình sự phải dựa vào các trình tự, thủ tục giải quyết vụ án.

- *Hai là*, tuân theo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Dựa vào nguyên tắc này thì các cơ quan, người tiến hành và người tham gia tố tụng phải tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật. Không làm oan, sai đối với người vô tội, ngoài ra không bỏ lọt hành vi, người thực hiện tội phạm.

- *Ba là*, dựa vào nguyên tắc nội tâm, phải quyết đoán trước khi tuyên án và quyết định hình phạt. Trong giải quyết, xét xử vụ án hình sự về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy”, chủ thể có nghĩa vụ chứng minh thuộc về Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, hoạt động chứng minh của Thẩm phán ngoài những quy định chung của pháp luật, Thẩm phán không thu thập thêm chứng cứ khi cần những chứng cứ quan trọng, Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định để giải quyết vụ án dựa trên những chứng cứ đã điều tra, truy tố, chứng minh tại phiên tòa. Vì vậy, hoạt động chứng minh của Hội đồng xét xử là biện pháp xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật để kiểm tra lại tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Thu thập thêm các chứng cứ mới do các bên tham gia tranh tụng tại phiên tòa...

Hoạt động chứng minh chủ yếu là hoạt động tư duy độc lập, chỉ tuân theo quy định pháp luật. Dựa vào đối tượng chứng minh, chứng cứ cần và đủ cho việc chứng minh vụ án mà Hội đồng xét xử đang thụ lý để ra các quyết định thông qua việc tuyên án. Bảo đảm xác định sự thật của vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy theo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án.

Như vậy theo quy định tại Điều 15 của BLTTHS cần phải nghiên cứu quy định về xác định sự thật của vụ án.

1.4. Những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy

Quá trình chứng minh để xác định được nguyên nhân dẫn tới các vụ tai nạn gây thiệt hại về người, tài sản cũng như công tác xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông như thế nào.

Như vậy, cần nghiên cứu các quy trình sau:

Thứ nhất, Điều 13 Thông tư số 28 ngày 07/7/2014 Quy định về công tác điều tra hình sự trong Công an nhân dân của Bộ Công an quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra.

Thứ hai, về Quy trình tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trong Công an nhân dân tại Quyết định số 1319/QĐ-BCA ngày 20/3/2015 của Bộ Công (có hiệu lực kể từ ngày 07/5/2015).

Thứ ba, cần nắm rõ Luật tổ chức điều tra hình sự năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, điều tra viên.

Khi thực hiện các nội dung trong khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi cần chú ý: Nội dung của công tác khám nghiệm hiện trường được quy định ở khoản 3 Điều 201 BLTTHS năm 2015 là khi khám nghiệm hiện trường phải tiến hành chụp ảnh, vẽ sơ đồ, mô tả hiện trường, đo đạc, dựng mô hình; xem xét tại chỗ và thu lượm dấu vết của tội phạm, tài liệu, đồ đạc có liên quan đến vụ án; ghi rõ kết quả khám nghiệm vào biên bản. Biên bản khám nghiệm hiện trường được lập theo quy định tại Điều 178 của Bộ luật này; cụ thể: “Khi tiến hành hoạt động điều tra, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. Khi tiến hành lập biên bản đối với người tham gia tố tụng và khi kết thúc biên bản thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra đọc lại biên bản cho họ nghe đồng thời cho họ tự đọc lại biên bản, đồng thời giải thích cho họ để họ biết được mình được quyền bổ sung và nhận xét về biên bản. Ý kiến bổ sung, nhận xét được ghi vào biên bản; trường hợp không chấp nhận bổ sung thì ghi rõ lý do

vào biên bản. Người tham gia tố tụng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra cùng ký tên vào biên bản. Trường hợp Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập biên bản thì biên bản được thực hiện theo quy định tại Điều này. Biên bản phải được chuyển ngay cho Điều tra viên để đưa vào hồ sơ vụ án. Việc lập biên bản trong giai đoạn khởi tố được thực hiện theo quy định tại Điều này”.

Tài liệu, đồ vật thu giữ phải được niêm phong bảo quản, giữ nguyên tình trạng để đưa về tiến hành điều tra nếu không thể xem xét ngay tại thời điểm đó.

Hoạt động khám nghiệm tử thi được phân loại là khám nghiệm bên ngoài và bên trong. Đối với hoạt động này phải xem xét đến quyết định của người thân người bị tai nạn.

Tổ chức các hoạt động điều tra tiếp theo

Gửi giấy mời hoặc triệu tập để tiến hành lấy lời khai người làm chứng (nếu có), bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) nhằm làm rõ toàn bộ nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn, động cơ và mục đích của người điều khiển phương tiện giao thông (nếu có); Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích người bị thương (nếu có) và liên hệ với Phòng giám định pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh để tiến hành giám định. Liên hệ với cán bộ Phòng Quản lý phương tiện và người lái để tiến hành Trưng cầu giám định các phương tiện trong vụ tai nạn giao thông;

Kết thúc điều tra vụ tai nạn giao thông

Sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ tai nạn thông qua các hoạt động nghiệp vụ điều tra thì Điều tra viên viết kết luận điều tra về vụ tai nạn giao thông. Trong Kết luận điều tra phải tóm tắt nguyên nhân, diễn biến sự việc; kết quả điều tra đối với vụ việc, các căn cứ để khởi tố và ngược lại; hướng đề xuất.

Các thủ tục tố tụng trong hoạt động điều tra: Sơ đồ, Biên bản, thực nghiệm hiện trường điều tra; các biên bản khám nghiệm phương tiện; các kết luận về giám định đối với bị hại, các tài liệu chứng cứ khác...

Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 thì:

“1. Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự.

2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án”.

Đánh giá chứng cứ trong vụ án hình sự, là hoạt động tư duy của chủ thể THPT theo quy định của BLTTHS và các chủ thể khác có liên quan tiến hành xem xét, kiểm tra các chứng cứ đã thu thập được; từ đó đưa ra kết luận về tính xác thực hoặc không xác thực của chứng cứ, tính hợp pháp hoặc không hợp pháp, tính liên quan hoặc không liên quan đến vụ án của chứng cứ. Các chứng cứ được thu thập liên quan đến vụ án, đều phải được đánh giá riêng biệt và tổng thể; có như vậy Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án mới giải quyết được vụ án cần phải tiến hành đánh giá chứng cứ trên cơ sở phân tích và tổng hợp.

Phân tích chứng cứ là việc phân chia toàn bộ chứng cứ đã thu thập được về vụ án, phân biệt chứng cứ này với chứng cứ khác, phân chia từng chứng cứ riêng lẻ thành các bộ phận cấu thành của nó, chọn ra trong đó các sự kiện khẳng định, đặc điểm riêng, đối chiếu, so sánh các yếu tố riêng lẻ của từng chứng cứ với nhau và của chứng cứ này với chứng cứ khác.

Tổng hợp chứng cứ là rút ra kết luận từ các chứng cứ đã được thu thập về vụ án hình sự, từ việc xác định trên cơ sở của tất cả các chứng cứ, các sự kiện và các tình tiết của vụ án đang được điều tra và giải quyết.

Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ có ý nghĩa quyết định đối với việc giải quyết vụ án hình sự. Đó chính là trách nhiệm của các cơ quan THPT cũng như người THPT.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm xác định: Tính xác thực, độ tin cậy và giá trị của các chứng cứ đã thu thập được; khả năng sử dụng chứng cứ này hay chứng cứ khác trong hệ thống chứng cứ để chứng minh vụ án hình sự; xác định tính chất, ý nghĩa và mức độ liên quan giữa chứng cứ được sử dụng với các chứng cứ

khác; giá trị của từng chứng cứ đối với việc chứng minh các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án; hướng sử dụng hoặc tiếp tục sử dụng chứng cứ. Do vậy, hoạt động đánh giá chứng cứ của các chủ thể THPTT bao gồm các nội dung sau: Chủ thể đánh giá chứng cứ tiến hành kiểm tra, xem xét giá trị chứng minh của các chứng cứ đã thu thập; chủ thể đánh giá chứng cứ, xác định sự thật khách quan và làm rõ các tình tiết trong vụ án hình sự; chủ thể THPTT đánh giá chứng cứ để ra các quyết định tố tụng.

Trong hoạt động tố tụng, việc đánh giá chứng cứ có vai trò rất quan trọng đồng thời có ý nghĩa chứng minh tội phạm và người phạm tội; có ý quan trọng trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

Hoạt động thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ có quan hệ biện chứng. Trong đó việc đánh giá chứng cứ là căn cứ để đi đến kết luận và ra quyết định giải quyết thực chất vụ án hình sự.

Đối với việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử là hết sức quan trọng, bởi lẽ: Tại phiên tòa, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử mang tính công khai, toàn diện, bình đẳng, dân chủ tại phiên tòa với sự tham gia đầy đủ nhất của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng hình sự. Trong hoạt động chứng minh, việc đánh giá chứng cứ trong các giai đoạn khởi tố, điều tra mang tính sơ khai, còn đánh giá chứng cứ trong giai đoạn xét xử mang tính quyết định. Bởi lẽ, ở giai đoạn điều tra mục đích đánh giá đó chưa có tính quyết định, chủ yếu hoạt động kiểm tra, đánh giá chứng cứ nhằm sử dụng làm căn cứ để ra bản kết luận điều tra đề nghị Viện kiểm sát truy tố, Viện kiểm sát cũng kiểm tra, đánh giá chứng cứ chủ yếu phục vụ cho việc quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử và có thể bị thay đổi ở các giai đoạn tiếp theo. Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập, Hội đồng xét xử mới thảo luận, xem xét tổng hợp đánh giá để đưa ra kết luận.

Trong giai đoạn xét xử, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử mà xảy ra vi phạm thì hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng, vì khác với kết luận của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng của Viện kiểm sát, phán quyết của Tòa án là phán quyết cuối cùng, nhân danh Nhà nước, nhân danh công lý và quyết định số phận của một con người.

Tiểu kết Chương 1

Trong chương này, tác giả tập trung nghiên cứu về lý luận về chứng cứ, chứng minh và những quy định của pháp luật về chứng cứ chứng minh. Sau đó, dựa vào lý luận áp dụng vào thực tiễn xét xử để phân tích quá trình chứng minh của các cơ quan THTT trong vụ án vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy của tỉnh Cà Mau.

Trên cơ sở quy định của BLTTHS cụ thể là từ định nghĩa khoa học về chứng cứ, đã làm rõ các dấu hiệu pháp lý của người phạm tội trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy qua việc phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, nguyên nhân và hậu quả xảy ra.

Ngoài ra tác giả cũng đã nghiên cứu, phân tích các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy qua đó thấy được sự phát triển, hoàn thiện trong kỹ thuật lập pháp của các nhà làm luật, điều này có ý nghĩa quan trọng trong nội dung của luận văn, nó làm rõ được những vấn đề lý luận về chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Qua kết quả nghiên cứu, phân tích các lý luận về chứng cứ, chứng minh dựa vào quy định của pháp luật của chương 1, làm cơ sở cho việc nghiên cứu qua thực tiễn thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ trong chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU

2.1. Một số đặc điểm tình hình tác động đến chứng cứ và chứng minh vụ án vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau

2.1.1. Đặc điểm về địa lý và tình hình tội phạm

Cà Mau là vùng đồng bằng, có nhiều sông rạch, có địa hình thấp, bằng phẳng và thường xuyên bị ngập nước. Độ cao bình quân 0,5m đến 1,5m so với mặt nước biển. Hướng địa hình nghiêng dần từ bắc xuống nam, từ đông bắc xuống tây nam. Những vùng trũng cục bộ Thới Bình, Cà Mau nối với Phước Long, Hồng Dân, Giá Rai (Bạc Liêu) thuộc vùng trũng trung tâm Bán đảo Cà Mau có quan hệ địa hình lòng sông cỏ. Những ô trũng U Minh, Trần Văn Thời là những vùng “trũng treo” nội địa được giới hạn bởi đê tự nhiên của hệ thống các con sông Ông Đốc (sông Đốc), Cái Tàu, sông Trẹm và gò đất cao ven biển Tây. Vùng trũng treo này quanh năm đọng nước và trở thành đầm lầy. Phần lớn đất đai ở Cà Mau là vùng đất trẻ do phù sa bồi lắng, tích tụ qua nhiều năm tạo thành, rất màu mỡ và thích hợp cho việc nuôi trồng thủy sản, trồng lúa, trồng rừng ngập mặn, ngập lợ... Bờ biển phía đông từ cửa sông Gành Hào (huyện Đầm Dơi) đến vùng cửa sông Rạch Gốc (huyện Ngọc Hiển) bị xói lở, có nơi mỗi năm bị xói lở trên 20m. Ngược lại, vùng Bãi Bồi Mũi Cà Mau hàng năm được phù sa bồi đắp từ 50 đến 80m.

Là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, có hệ thống sông ngòi chằng chịt, số lượng tàu thuyền lớn bậc nhất cả nước, nhưng TNGT đường thủy trên địa bàn tỉnh Cà Mau giảm mạnh nhiều năm liền.

Đối với tất cả các loại án không ngoại trừ các vụ án liên quan đến giao thông đường thủy thì quá trình chứng minh trong tố tụng hình sự là quá trình thu thập, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ.

Thu thập, đánh giá chứng cứ về thực chất là quá trình đi tìm chứng cứ để xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự đã xảy ra.

Đồng thời việc thu thập chứng cứ là giai đoạn tiên quyết của quá trình chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Như vậy, thu thập chứng cứ là một giai đoạn trong quá trình chứng minh vụ án hình sự. Đồng thời việc thu thập chứng cứ là giai đoạn tiên quyết của quá trình chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Nếu không thu thập được chứng cứ thì không có các giai đoạn tiếp theo là kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Điều đó lý giải tại sao vấn đề thu thập chứng cứ luôn là mối quan tâm hàng đầu của cơ quan, người có thẩm quyền THTT trong giải quyết vụ án.

Thu thập chứng cứ bao gồm việc phát hiện, thu giữ, ghi nhận và bảo quản chứng cứ. Các chủ thể tiến hành thu thập chứng cứ phải bằng các biện pháp phát hiện nhằm tìm ra những dấu vết, tài liệu, sự vật, hiện tượng... có liên quan đến giải quyết vụ án, tiến hành thu giữ các chứng cứ đã được phát hiện, ghi nhận việc phát hiện, thu giữ chứng cứ bằng biên bản theo đúng trình tự, thủ tục mà BLTTHS năm 2015 quy định, sau đó tiến hành bảo quản để giữ chứng cứ nguyên vẹn như lúc phát hiện, thu giữ. Xét dưới góc độ thông tin để làm căn cứ giải quyết vụ án. Thu thập chứng cứ vừa là hoạt động mang tính khoa học, vừa mang tính pháp lý nên quá trình phát hiện, thu giữ, ghi nhận phải tuân thủ nguyên tắc, quy luật nhận thức khách quan nhưng đồng thời phải tuân thủ trình tự, thủ tục của BLTTHS năm 2015. Việc thu thập chứng cứ phải bảo đảm các quy định về thẩm quyền, thủ tục thu thập chứng cứ, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thu thập chứng cứ. Để thu thập chứng cứ một cách hiệu quả thì trong khâu thu thập chứng cứ phải đồng thời củng cố chứng cứ, đó là phương pháp, cách thức làm cho chứng cứ thu thập được bảo đảm ba thuộc tính của chứng cứ (tính xác thực, tính liên quan và tính hợp pháp) để có giá trị chứng minh.

2.1.2. Thẩm quyền thu thập chứng cứ

Chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ là không chỉ có Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án mà bao gồm cả người bào chữa, người tham gia tố tụng và bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân đều có thể đưa ra chứng cứ. Cụ thể:

Để thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền THPT có quyền tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ theo quy định của BLTTHS năm 2015 hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Cơ quan có thẩm quyền THPT có thể trực tiếp thu thập chứng cứ bằng việc tiến hành các hoạt động mà BLTTHS quy định như: Khám nghiệm hiện trường, khai quật tử thi,, xem xét dấu vết thân thể, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra, lấy lời khai, hỏi cung... Các hoạt động này hướng tới việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án, trên cơ sở phải tuân thủ về trình tự, thủ tục mà BLTTHS quy định. Để tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền THPT trong việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án được thuận lợi, cùng với việc trực tiếp áp dụng các biện pháp để thu thập chứng cứ, BLTTHS quy định các cơ quan này có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án. Khi được cơ quan có thẩm quyền THPT yêu cầu, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ phải cung cấp những vấn đề mình biết.

Để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa để hỏi, để nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa. Đây là những quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người bào chữa thực hiện nhiệm vụ bào chữa của mình. Tuy nhiên, do địa vị pháp lý có sự khác biệt so với người THPT, người bào chữa không được áp dụng các biện pháp như cơ quan có thẩm quyền THPT hình sự để thu thập chứng cứ mà chỉ có quyền áp dụng một số biện pháp nhất định. Cùng với việc trực tiếp thu thập chứng cứ, người bào chữa còn có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa, việc cá nhân, cơ quan, tổ chức có chấp thuận đề nghị của người bào chữa hay không phụ thuộc vào đề nghị của người bào chữa và quan điểm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được đề nghị.

Thực tiễn xét xử cho thấy, có trường hợp người bào chữa do nhận thức chưa đầy đủ hoặc thiếu hiểu biết về cách thu thập, lập biên bản ghi nhận sự việc, lấy lời

khai của người làm chứng, khi cung cấp chứng cứ tại phiên tòa đã bị Hội đồng xét xử không chấp nhận, thậm chí còn kiến nghị đến các cơ quan THTT xem xét trách nhiệm cùng với việc điều luật mở ra không gian rộng lớn cho các thao tác, kỹ năng hành nghề của người bào chữa khi tham gia tố tụng trong các vụ án hình sự, nó cũng đòi hỏi người bào chữa bên cạnh việc tận tâm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người mà mình bào chữa còn phải tích lũy kinh nghiệm, kỹ năng thu thập và phép ứng xử khi tiếp xúc, gặp, làm việc với những người biết về vụ án hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan để đạt được mục tiêu thu thập chứng cứ cần thiết phục vụ cho việc bào chữa. Quy định này ghi nhận quyền của bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào trong việc đưa ra chứng cứ, những vấn đề có liên quan để làm sáng tỏ vụ án.

2.1.3. Trình tự, thủ tục và các biện pháp thu thập chứng cứ

Hoạt động thu thập chứng cứ, tiếp nhận tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chịu sự kiểm sát của Viện kiểm sát. Để đảm bảo các hoạt động này phải được kiểm sát một cách chặt chẽ ⁽¹⁾.

Trong quá trình chứng minh, thu thập chứng cứ là một giai đoạn gắn liền với giai đoạn kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ.

Theo quy định của pháp luật, trong quá trình thu thập chứng cứ, các cơ quan THTT triệu tập những người có liên quan đến vụ án để hỏi và nghe họ trình bày về vụ án cũng như các cơ quan THTT có thể trưng cầu giám định, tiến hành khám xét và các hoạt động nghiệp vụ điều tra khác để thu thập chứng cứ một cách đầy đủ, vững chắc.

Về thủ tục thu thập chứng cứ trong những trường hợp này phải tuân thủ những quy định như:

Thủ tục giải thích quyền và nghĩa vụ cho đối tượng bị áp dụng: Thủ tục này được áp dụng trong các biện pháp hỏi cung; lấy lời khai của người bị bắt, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại; khi tiến hành đối chất, nhận dạng, khám người, khám nơi làm việc, khám chỗ ở, địa điểm.

(1) khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự

Người chứng kiến phải có được quy định trong các trường hợp: Khám người, khám xét dấu vết trên thân thể, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, nhận dạng...

Bên cạnh đó, đối với biện pháp khám chỗ ở, nơi làm việc... đòi hỏi phải có người láng giềng, đại diện cơ quan (nếu là nơi làm việc), đại diện chính quyền địa phương (chỗ ở) chứng kiến. Trường hợp nếu người chủ nhà đi vắng nhà thì phải có hai người chứng kiến.

Biện pháp thu giữ thư tín, điện tín, bưu phẩm tại bưu điện thì phải có sự chứng kiến của đại diện cơ quan bưu điện.

Người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa để thu thập chứng cứ, đồng thời được thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật. Việc bào chữa của Luật sư nhằm gỡ tội, đưa ra những chứng cứ chứng minh có lợi cho người mà họ có quyền bào chữa. Quá trình chứng minh, Luật sư sẽ đưa ra những chứng cứ có lợi, bên cạnh đó đưa ra những kiến nghị tố tụng như: yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung, yêu cầu điều tra lại, đình chỉ điều tra, rút quyết định truy tố, thay đổi tội danh... đối với những kiến nghị, đề nghị, yêu cầu của Luật sư cần phải được các cơ quan THTT, người có thẩm quyền THTT xem xét một cách đầy đủ.

Ngoài ra, bất kỳ cá nhân nào cũng đều có thể đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.

Khi tiếp nhận nguồn chứng cứ, chứng cứ liên quan đến vụ án do những người có liên quan đến cung cấp, cơ quan, người có thẩm quyền THTT phải lập biên bản giao nhận và kiểm tra, đánh giá theo quy định của pháp luật.

Vấn đề củng cố chứng cứ cũng là vấn đề hết sức quan trọng, đó là những phương pháp, cách thức làm cho chứng cứ, tài liệu thu thập được bảo đảm giá trị chứng minh, nói cách khác là bảo đảm ba thuộc tính: Hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án.

Thực tiễn về vấn đề thu thập chứng cứ cần phải lưu ý một số trường hợp sau:

Thứ nhất, đối với dấu vết, khi thu thập thì các cơ quan THTT và người có thẩm quyền THTT phải ghi rõ trong biên bản: Dấu vết thu thập được là dấu vết gì, vị trí, đặc điểm ra sao?

Phải xác định được tên của dấu vết, ghi rõ đó là dấu vết gì: Là dấu vân tay, vết máu, vết cày, vết xước, vết cạy phá, dấu chân, dấu tay... để lại hiện trường, trường hợp khó đặt tên ngắn gọn thì mô tả cụ thể nhưng phải phản ánh được nội dung chủ yếu, cơ bản.

Về đặc điểm của dấu vết: Cần mô tả các nội dung hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của dấu vết để phục vụ tốt cho công tác giám định làm rõ nguyên nhân...

Thứ hai, đối với vật chứng

Khi thu thập vật chứng trong mọi trường hợp đều phải ghi cụ thể trong biên bản thu giữ các nội dung sau:

Tên của vật là gì (con dao, khẩu súng, hay công cụ phương tiện khác) nếu là mô tô xe máy, thì phải ghi rõ biển số, số khung, số máy... có thể đặt tên dạng mô tả hình dạng, kích thước, màu sắc nếu thuộc trường hợp đó không phải là những vật thông dụng, khó đặt tên.

Đặc điểm của vật, tùy từng loại vật mà có cách mô tả cụ thể, nhưng nhìn chung phải thể hiện được các nội dung: Số lượng, chất lượng, trọng lượng, khối lượng, hình dạng kích thước, màu sắc, mùi vị, tính nguyên vẹn và trạng thái mới, cũ của vật. Những dấu vết của tội phạm để lại trên vật chứng.

Mô tả từng dấu vết, kích thước của dấu vết, màu sắc của dấu vết, chiều hướng của dấu vết theo nội dung củng cố dấu vết.

Vị trí tìm thấy vật và cách thức giấu vật có giá trị pháp lý trong quá trình chứng minh chứng cứ.

Thứ ba, quá trình ghi biên bản sự việc, cần lưu ý những vấn đề sau:

Sự việc gì, thời gian diễn ra, nguyên nhân, hậu quả và người biết được sự việc.

Khi thu thập chứng cứ đối với các nguồn chứng cứ mới cần phải lưu ý:

Phương tiện điện tử phải được thu giữ kịp thời, đầy đủ, mô tả đúng thực trạng và niêm phong ngay sau khi thu giữ. Quá trình niêm phong phải được tiến hành theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thể thu giữ phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử thì cơ quan có thẩm quyền THPT sao lưu dữ liệu điện tử đó vào phương tiện điện tử và bảo quản như đối với vật chứng, đồng thời yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lưu trữ, bảo toàn nguyên vẹn dữ liệu điện tử mà cơ quan có thẩm quyền THPT đã sao lưu và họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi bảo toàn dữ liệu của mình.

Khi tiến hành thu thập, chặn thu, sao lưu dữ liệu điện tử từ các phương tiện điện tử, mạng máy tính, mạng viễn thông, hoặc ngay trên đường truyền, cơ quan có thẩm quyền THPT phải tiến hành lập biên bản về sự việc thu thập dữ liệu và đưa vào hồ sơ vụ án.

Khi nhận được quyết định trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền THPT thì mọi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thực hiện phục hồi, tìm kiếm, giám định dữ liệu điện tử phải có trách nhiệm chuyển dữ liệu điện tử đó sang dạng có thể đọc, nghe hoặc nhìn được.

Phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử được bảo quản như vật chứng theo quy định của BLTTHS năm 2015. Khi xuất trình chứng cứ là dữ liệu điện tử thì phải kèm theo phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử hoặc bản sao dữ liệu điện tử.

2.1.4. Củng cố chứng cứ

Để thu thập chứng cứ một cách hiệu quả, thì trong khi thu thập chứng cứ phải đồng thời củng cố chứng cứ.

Củng cố chứng cứ là những phương pháp, cách thức làm cho chứng cứ, tài liệu thu thập được bảo đảm giá trị chứng minh. Nói cách khác, củng cố chứng cứ là làm cho chứng cứ, tài liệu bảo đảm ba thuộc tính đó là tính hợp pháp, tính xác thực và tính liên quan đến vụ án. Cách thức, phương pháp thu thập và trình tự thu thập chứng cứ có ảnh hưởng trực tiếp tới độ tin cậy và giá trị chứng minh của chứng cứ. Thực tiễn hoạt động thu thập chứng cứ cho thấy có ba trường hợp cần đặc biệt chú ý là khi thu giữ vật chứng, dấu vết và khi ghi lại một sự việc.

Thu thập dấu vết

Khi thu thập phải ghi rõ trong biên bản các nội dung: Dấu vết thu thập là dấu vết gì, vị trí của dấu vết, đặc điểm về màu sắc, chiều hướng, độ cũ, mới của dấu vết. Phải trả lời được những câu hỏi như dấu vết gì? Đặc điểm ra sao? Chiều hướng thế nào? Vị trí ở đâu?

+ Dấu vết cần phải được gọi tên cụ thể, rõ ràng. Trường hợp tên gọi không chuyển tải được bản chất của dấu vết thì việc mô tả dấu vết một cách cụ thể, chi tiết là hết sức cần thiết và cần được tiến hành cẩn thận, khoa học.

+ Về đặc điểm của dấu vết. Cần mô tả các nội dung hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của dấu vết. Ví dụ trong vụ án tai nạn giao thông, khi Điều tra viên khám nghiệm ghi biên bản phải mô tả đầy đủ các dấu vết trên xe, trên mặt đường, chiều hướng của từng dấu vết, từ trái qua phải hay từ phải qua trái; kích thước của dấu vết, độ dài của dấu vết và vị trí từng dấu vết; để sau này phục vụ tốt cho công tác giám định làm rõ nguyên nhân tai nạn,...

+ Về vị trí của dấu vết, khi mô tả phải xác định các điểm chuẩn xung quanh và trên cơ sở đó mô tả khoảng cách của dấu vết so với các điểm chuẩn theo các hướng và so với các dấu vết khác để từ đó có thể xác định mối liên hệ giữa các dấu vết.

Thu giữ vật chứng

Khi thu thập phải ghi cụ thể trong biên bản các nội dung sau:

+ Vật gì, tên của vật được gọi là gì.

Ví dụ con dao, khẩu súng, hay công cụ phương tiện khác, nếu là mô tô xe máy, thì phải ghi rõ biển số, số khung, số máy,... trường hợp vật chứng không phải là vật thông dụng, khó đặt tên, thì có thể đặt tên dạng mô tả hình dạng, kích thước, màu sắc,...

+ Đặc điểm của vật, tùy từng loại vật mà có cách mô tả cụ thể, nhưng nhìn chung phải thể hiện được các nội dung: Số lượng, chất lượng, trọng lượng, khối lượng, hình dạng kích thước, màu sắc, mùi vị, tính nguyên vẹn và trạng thái mới, cũ của vật.

Ví dụ: thu giữ ba con dao tại hiện trường, kích thước về độ dài, độ rộng, phần cán, phần lưỡi của từng con dao, dấu vết để lại trên từng con dao.

+ Những dấu vết của tội phạm để lại trên vật chứng.

Đối với trường hợp dấu vết có trên vật chứng thì phải mô tả đầy đủ từng dấu vết một cách cụ thể, chi tiết. Phải mô tả từng dấu vết, kích thước của dấu vết, màu sắc của dấu vết, chiều hướng của dấu vết,...

+ Vị trí tìm thấy vật và cách thức giấu vật liên quan chặt chẽ tới giá trị chứng minh của chứng cứ, giá trị pháp lý của chứng cứ, làm nảy sinh căn cứ pháp lý để tiến hành các hoạt động tố tụng khác.

Ví dụ: thu giữ dấu vết vật chứng trên người hoặc nơi ở của đối tượng, thì có thể tiến hành bắt khẩn cấp đối tượng được (điểm c khoản 1 Điều 81 BLTTHS), còn thu giữ ở nơi khác, thì căn cứ vào việc thu giữ vật chứng không bắt khẩn cấp đối tượng được.

Ghi chép lại sự việc

Khi một sự việc cụ thể cần được ghi lại trong biên bản thì sự việc đó cần phải được ghi chép cụ thể những nội dung:

+ Tên sự việc là gì, vụ chết người, tai nạn giao thông hay vụ cháy, nổ. Tương tự như đặt tên của dấu vết. Tên của sự việc cũng cần phải được đặt tên khoa học, phản ánh được sự việc.

+ Thời gian xảy ra: Thời gian xảy ra ở đây là thời điểm bắt đầu xảy ra sự việc. Việc ghi nhận thời gian càng chính xác càng tốt. Trong trường hợp không xác định được thời gian thì không được khẳng định rõ thời gian khi ghi nhận.

+ Địa điểm xảy ra sự việc: Việc ghi địa điểm xảy ra vụ việc phải cụ thể, vì nếu không ghi sẽ không xác định được thẩm quyền giải quyết vụ việc theo lãnh thổ, bên cạnh đó việc ghi rõ địa điểm sẽ giúp cho quá trình nghiên cứu để hình dung quá trình diễn biến của sự việc.

+ Diễn biến của sự việc: Cần phải mô tả đầy đủ và khái quát quá trình diễn biến của sự việc. Đây là vấn đề rất quan trọng nhưng không dễ thực hiện, đòi hỏi người thu thập chứng cứ phải có đầu óc phân tích, tổng hợp đến ghi diễn biến vụ

việc theo thời gian, hay diễn biến vụ việc theo sự kiện, hoặc diễn biến vụ việc theo chủ thể thực hiện,...

+ Hậu quả thiệt hại: Nếu đã xảy ra hậu quả phải ghi rõ thiệt hại về cái gì số lượng, chủng loại, tính chất, mức độ thiệt hại. Hậu quả ở đây không hoàn toàn cùng nghĩa với hậu quả trong cấu thành tội phạm, thông thường đây là những thiệt hại đã xảy ra có thể nhận biết bằng giác quan.

Ví dụ: Hậu quả là một người chết, ba người bị thương, chứ không xác định được ba người bị thương, mỗi người bao nhiêu phần trăm, việc xác định phần trăm thương tích phải do cơ quan giám định kết luận.

+ Nguyên nhân xảy ra sự việc: Trong thu thập chứng cứ chỉ ghi nguyên nhân trực tiếp, cụ thể đã được xác định chắc chắn, không được nêu ra những nguyên nhân gián tiếp hoặc trừu tượng. Trong trường hợp chưa xác định được thì phải ghi chưa kết luận được nguyên nhân hoặc chưa rõ nguyên nhân.

+ Người biết việc: Trong biên bản chỉ cần ghi lời khai vài ba người biết việc, không nhất thiết phải ghi lời khai của tất cả những người biết việc, nhưng cần thiết phải ghi lại họ tên, địa chỉ của tất cả những người biết việc để có thể tiếp tục củng cố chứng cứ nếu có phát sinh mâu thuẫn trong quá trình thu thập ban đầu. Khi ghi lời khai của nhân chứng phải ghi rõ lý do họ biết được việc đó và cũng cần chọn lọc ghi lời khai của những nhân chứng trực tiếp chứng kiến vụ việc, nếu không có nhân chứng trực tiếp hoặc có ít nhân chứng trực tiếp thì ghi thêm lời khai của các nhân chứng gián tiếp.

2.2. Thực tiễn kiểm tra, đánh giá chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau

Như vậy, bên cạnh công tác xét xử kịp thời, nghiêm minh và đúng pháp luật, trong thời gian 5 năm (2014 - 2018), qua nghiên cứu cho thấy, vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn xét xử và lập pháp hình sự, tuy nhiên lại tập trung chủ yếu vào tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy, loại tội xảy ra ít trên địa bàn cả nước nói chung, địa bàn tỉnh Cà Mau nói riêng tuy nhiên còn nhiều bất cập, cụ thể nhursau:

Thứ nhất, việc xác định chưa chính xác về lỗi hành chính và lỗi hình sự,

cũng như mối quan hệ nhân quả trong các vụ tai nạn giao thông đường thủy.

Thứ hai, việc xác định lỗi trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy còn nhiều bất cập như: Hoàn toàn do lỗi của phía người gây tai nạn; lỗi từ hai phía; lỗi do người thứ ba...

Thứ ba, về tình tiết “*Phạm tội trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác*” (điểm b khoản 2 Điều 272 BLHS 2015).

Luật Giao thông đường thủy nội địa (được sửa đổi bổ sung năm 2014) quy định cấm thuyền viên, người lái phương tiện đang làm việc trên phương tiện mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở hoặc sử dụng chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng (khoản 8 Điều 8). Mặt khác, điểm b khoản 2 Điều 272 BLHS năm 2015 quy định trường hợp phạm tội “*trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác*” nhưng không quy định cụ thể định mức, định lượng khí thở. Hiện nay, các cơ quan THTT đều căn cứ vào quy định tại Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa (được sửa đổi bổ sung năm 2014), tức là khi xác định thuyền viên, người lái phương tiện mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/01 lít khí thở. Thực tế, có bị cáo uống rất nhiều rượu, bia trước khi điều khiển phương tiện thủy nội địa tham gia giao thông gây tai nạn nhưng các cơ quan có thẩm quyền chưa được trang bị hoặc được trang bị nhưng không đầy đủ thiết bị, dụng cụ để đo nồng độ cồn trong máu của họ nên chưa có cơ sở xem xét quyết định. Vì vậy, quy định này cần phải có văn bản hướng dẫn quy định thống nhất giữa quy định của BLHS hiện hành và Luật nội dung hiện hành.

Bốn là, qua thực tiễn xét xử loại tội phạm này của tỉnh Cà Mau cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế đối với riêng tội phạm này như sau:

Có trường hợp Tòa án xử phạt tù đối với bị cáo lại quá nặng, chưa bảo đảm yêu cầu giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Cụ thể:

Vào đêm ngày 12/01/2017, rạng sáng ngày 13/01/2017 Hà Trung T điều khiển xà lan đến neo đậu trong kênh C thuộc ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau cách cầu C khoảng 200m về phía thượng lưu, để chờ bơm cát phục vụ thi công công trình xây dựng lộ trục chính khu kinh tế N. Sau khi dùng phương tiện, T chỉ đạo cho Lý Quốc Tr và Nguyễn Trung Th buộc dây mũi, lái, mạn và thả neo để neo đậu phương tiện. Khi neo đậu xong thì Nguyễn Dũng B xin phép Hà Trung T về nhà ở thành phố C và được T đồng ý.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 13/01/2017 trên xà lan chỉ còn lại T, Tr và Th, lúc này do thủy triều, mực nước sông xuống thấp (nước ròng) và chảy mạnh xà lan bị nghiêng nên T trực tiếp mở xả dây mũi một đoạn rồi buộc lại vào cột phích mũi xà lan, mục đích cho xà lan ra xa bờ được cân bằng (không xả dây lái). Khoảng 30 phút sau, thấy xà lan tiếp tục bị nghiêng và dây cột mũi và dây neo mũi bị căng thẳng, lúc này nước ròng chảy mạnh nên T chỉ đạo cho Tr khởi động máy và lên phía trước nói thả dây mũi, Th nói xả dây lái còn T trực tiếp điều khiển xà lan để cân bằng lại. Tr trực tiếp xả dây lái ra để T điều khiển đánh lái xà lan ra xa bờ và Tr lên trước mũi xà lan nói dây mũi cho thẳng đều với dây neo và cột lại, khi vừa cột xong thì T điều khiển cho mũi xà lan ra giữa lòng sông thì dây mũi bị đứt nên nước đẩy xà lan trôi theo dòng nước làm dây neo bị cày. Th đem dây lái cho Tr cột vào bích mũi xà lan, khi vừa cột xong thì dây tiếp tục bị đứt. Lúc này T tăng ga máy điều khiển xà lan chạy ngược dòng nước nhưng do nước chảy siết làm xà lan bị nước đẩy xuôi theo dòng nước ra hướng cầu C.

Khi cách cầu C khoảng 100m thì xà lan tấp vào xà lan số đăng ký Anhờ cột chịu lại, đồng thời xà lan nổ máy điều khiển chạy ngược lại để kéo xà lan lại nhưng gốc cây mà xà lan cột dây bị bật gốc và làm 2 xà lan bị kéo trôi theo, thấy vậy Tr tháo dây với xà lan đồng thời Tr cầm dây nhảy xuống nước bơi vào bờ để cột giữ xà lan lại nhưng do nước chảy mạnh không kéo dây vào bờ được nên Tr buông dây ra. Lúc này, T điều khiển để xà lan qua khoang thông thuyền của cầu C, khi qua gần $\frac{1}{2}$ xà lan thì mạn trái xà lan va đập vào trụ T2 của cầu C, làm gãy trụ cầu T2, sập 2 nhịp cầu đè lên

xà lan. Lúc này trên cầu có 3 phương tiện đang lưu thông là xe mô tô BKS 69M1-095.98 do anh Trịnh Nguyễn Anh K điều khiển chở theo bà Nguyễn Thị M và hai cháu nội là Ngô Thanh Th và Ngô Thái H, xe mô tô BKS 69L1-016.46 do anh Đoàn Hải A điều khiển đi một mình, xe mô tô BKS 69M1-079.83 do anh Quách Văn H điều khiển đi một mình. Tai nạn xảy ra làm cả 3 xe mô tô bị rơi xuống dốc nhịp cầu bị gãy, anh K, anh A và bà M bị thương nhẹ, cháu Ngô Thanh Th và Ngô Thái H bị thương nặng nên được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa N. Ngoài ra khi cầu C bị sập thì hệ thống cấp nước về trung tâm xã H (lắp đặt trên cầu) và hệ thống mạng VNPT (lắp đặt trên cầu) cũng bị hư hỏng.

Trong vụ án này, mục đích điều khiển xà lan của bị cáo T không nhằm vào việc gây tai nạn làm sập cầu cũng như gây tai nạn cho những bị hại mà nhằm hạn chế dòng nước chảy làm nghiêng xà lan. Đồng thời việc điều khiển phương tiện không phải mục đích lưu thông mà khi đó xà lan đã neo đậu do tác động của yếu tố khách quan.

Tại Bản án số 04/2018/HSST, ngày 12/4/2018, Tòa án nhân dân huyện N đã xét xử bị cáo Hà Trung T 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 272 BLHS. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 25/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử tại bản án số 60/2018/HSPT, sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự do chủ xà lan đồng ý bồi thường toàn bộ thay cho bị cáo.

2.3. Thực tiễn bảo quản chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy tại tỉnh Cà Mau

Khái niệm bảo quản vật chứng

Điều 90 BLTTHS 2015 quy định vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không làm mất mát, hư hỏng; vật chứng cần niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập đồng thời phải lập biên bản việc niêm phong và mở niêm phong để đưa vào hồ sơ vụ việc. Theo từ điển Tiếng việt, bảo quản là “*trông coi, giữ gìn cho khỏi hư hỏng hoặc hao hụt*”.

Vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng để đảm bảo giá trị chứng minh trong vụ án hình sự. Là yêu cầu bắt buộc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Nguyên tắc bảo quản

Vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong, mở niêm phong được lập biên bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật;

Vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giám định ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngay để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách khác. Nếu vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì tiến hành niêm phong theo quy định tại điểm a khoản này; vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thể người được bảo quản tại cơ quan chuyên trách theo quy định của pháp luật;

Vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền THPT giao vật chứng đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp đồ vật, tài sản hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản;

Vật chứng thuộc loại mau hỏng hoặc khó bảo quản thì cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định bán theo quy định của pháp luật và chuyển tiền đến tài khoản tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền tại Kho bạc Nhà nước để quản lý;

Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật. Trường hợp làm thay đổi vật chứng, thêm, bớt vật chứng, đánh tráo vật chứng... với mục đích làm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của luật.

Biện pháp bảo quản

Điều luật quy định vật chứng phải được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng. Điều này có nghĩa là vật chứng phải được bảo quản như lúc thu giữ, không bị mất mát, không bị lẫn vào với nhau đến mức không còn phân biệt được các vật chứng trong các vụ án khác nhau, bảo đảm chúng không bị hư hỏng làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng của chúng.

Vật chứng cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay sau khi thu thập. Việc niêm phong bảo đảm vật chứng được đóng kín, có đủ chữ ký của những người tham gia niêm phong vào mép dán hoặc những vị trí bảo đảm vật chứng được giữ nguyên, đầy đủ, bí mật và dễ dàng phát hiện dấu vết nếu niêm phong bị mở.

Vật chứng là tiền, vàng bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giám định ngay sau khi thu thập và phải chuyển ngay để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách khác. Nếu vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì tiến hành niêm phong theo quy định; vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thể người được bảo quản tại cơ quan chuyên trách theo quy định của pháp luật. Sau khi khắc phục được hoặc khi điều kiện khách quan cản trở không còn nữa thì Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp (đối với các vụ án hình sự do các Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc lực lượng An ninh nhân dân, Cảnh sát nhân dân và do Viện kiểm sát nhân dân thụ lý giải quyết), Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với các vụ án hình sự do các Cơ quan

điều tra trong Quân đội nhân dân thụ lý giải quyết) phải yêu cầu cơ quan đang thụ lý vụ án ra lệnh xuất và thực hiện ngay việc nhận, chuyển giao vật chứng, đồ vật nói trên sang cơ quan chuyên trách để bảo quản.

Vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT để bảo quản (các loại vật chứng công kênh, khó vận chuyển hay không thể vận chuyển, các tài sản như: Tàu thuyền, nhà cửa, kho tàng, các phương tiện sản xuất - kinh doanh...) thì cơ quan có thẩm quyền THPT giao vật chứng cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có vật chứng bảo quản. Việc giao vật chứng này phải được ghi nhận bằng biên bản hoặc văn bản bàn giao và bảo quản vật chứng, trong đó có việc người được giao bảo quản vật chứng có nghĩa vụ không được chuyển dịch quyền sở hữu hoặc làm thay đổi công năng, tính năng sử dụng của vật chứng.

Vật chứng thuộc loại mau hỏng như: Rau, quả, thực phẩm tươi sống, hóa chất... Các loại vật chứng này rất khó bảo quản hoặc không thể bảo quản được lâu, thậm chí có loại chỉ để vài ngày là hoàn toàn mất giá trị, không còn sử dụng được.

Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền THPT bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Do ý nghĩa và tầm quan trọng của vật chứng đối với việc giải quyết đúng đắn vụ án, nhằm bảo đảm việc quản lý vật chứng, Điều luật quy định về các hình thức xử lý đối với người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá hủy niêm phong, tiêu dùng, sử dụng trái phép, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu, hủy hoại vật chứng của vụ án thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Đối với những hành vi vi phạm trong việc bảo quản vật chứng nhằm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì còn phải chịu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thực tế, trong quá trình nghiên cứu các vụ án có tính chất phức tạp, phải phối hợp trao đổi hợp liên ngành. Khi liên quan trực tiếp đến vấn đề này thì khó khăn lớn nhất là việc áp dụng Nghị định số 127/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018) thì khi tiến hành mở niêm phong, cơ quan THTT không đưa người có liên quan đến vụ án trực tiếp chứng kiến mở niêm phong vật chứng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định này, do đó còn bất cập, chưa có văn bản hướng dẫn trình tự thủ tục.

Căn cứ vào các phân tích, nghiên cứu về cách thức, biện pháp bảo quản mà vật chứng được bảo quản khác nhau dựa vào đặc điểm, vai trò, giá trị của vật chứng. Tuy nhiên, dù cho vật chứng được ai bảo quản thì trách nhiệm bảo quản vật chứng về mặt tổ tụng hình sự thuộc về cơ quan THTT; các chủ thể khác thực hiện nhiệm vụ bảo quản chỉ là sự giúp đỡ về chuyên môn nhằm đảm bảo giá trị chứng minh và giá trị vật chất của vật chứng.

Chủ thể thực hiện việc bảo quản và trách nhiệm của chủ thể bảo quản

Nếu như việc thu thập vật chứng chỉ giới hạn trong thẩm quyền của các cơ quan THTT và một số cơ quan được thực hiện một số hoạt động điều tra ban đầu thì hoạt động bảo quản vật chứng lại có chủ thể thực hiện rộng hơn từ cơ quan THTT cho đến các cơ quan chuyên trách, kho bạc nhà nước, các cơ quan, tổ chức cá nhân khác tùy theo mỗi loại vật chứng.

Theo Điều 75, Điều 199 BLTTHS năm 2015 và khoản 2 Điều 13 Quyết định số 18/2002/QĐ-TTg ngày 18/02/2002, người có trách nhiệm bảo quản vật chứng mà để mất mát, hư hỏng, phá huỷ niêm phong, tiêu dùng, chuyển nhượng, đánh tráo, cất giấu hoặc hủy hoại vật chứng (phương tiện, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm của vụ án, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 385 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); trong trường hợp vụ án bị sai lệch do cố ý trong quá trình bảo quản vật chứng thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 375 của BLHS năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

2.4. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm trong thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo quản chứng cứ

Việc xử lý vật chứng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật góp phần quan trọng vào việc tước đoạt quyền sở hữu đối với các tài sản đối với người thực hiện hành vi phạm tội nhằm xóa bỏ điều kiện phạm tội; khôi phục lại quyền sở hữu cho chủ sở hữu, quyền chiếm hữu cho người quản lý hợp pháp; cũng như kịp thời bán đấu giá tài sản mau hỏng, thời hạn sử dụng ngắn nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan,... BLTTHS và một số văn bản hướng dẫn thi hành đã có quy định khá chi tiết và đầy đủ về việc xử lý vật chứng và trên thực tế đã giúp hoạt động giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan THTT đạt được hiệu quả tốt và mang tính thuyết phục cao.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng cũng đã phát sinh một số sai sót cần được khắc phục. Đồng thời, qua thời gian áp dụng, quy định của BLTTHS về xử lý vật chứng cũng tồn tại một số vướng mắc, bất cập cần bổ sung tiếp tục hoàn thiện để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Cụ thể:

- Có trường hợp Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp thay cho biện pháp xử lý vật chứng. Khi người bị hại và người phạm tội đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ giá trị tài sản thì khi xét xử, Tòa án đã tuyên trả tài sản cho bị cáo.

- Có vụ án xử lý vật chứng nhưng còn bỏ sót, tức xử lý vật chứng này nhưng không xử lý vật chứng khác; những vật chứng Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại xử lý; những vật chứng có tình trạng pháp lý như nhau nhưng lại xử lý khác nhau.

- Tùy theo từng giai đoạn tố tụng nếu vụ án bị đình chỉ thì cơ quan đang giải quyết hồ sơ sẽ ra quyết định đình chỉ nhưng trên thực tiễn có vụ án Viện kiểm sát đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nhưng lại không xử lý vật chứng của vụ án.

- Việc xử lý vật chứng không có giá trị hoặc giá trị sử dụng không đáng kể.

- *Vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì bị tịch thu và tiêu hủy* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Việc BLTTHS quy định việc tịch thu tiêu hủy vật chứng là cần thiết nếu vật chứng đó không còn

giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không đáng kể, nhưng hiện nay cũng chưa có quy định hoặc văn bản hướng dẫn như thế nào là “*vật chứng không có giá trị hoặc giá trị sử dụng không đáng kể*” để xử lý dẫn đến việc xử lý còn mang tính tùy tiện, không thống nhất. Trên thực tế, có Cơ quan điều tra đã tự xác định vật chứng không còn giá trị theo ý chí cá nhân.

- *Hoạt động bảo quản vật chứng*: Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án ⁽²⁾.

Như vậy có thể hiểu bảo quản vật chứng chính là việc việc cất giữ, bảo vệ đối với vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn của chúng; tránh cho vật chứng biến đổi về hình thức. Giúp đảm bảo được chứng cứ thu thập được là khách quan và chính xác; phục vụ cho việc giải quyết vụ án hình sự.

Rõ ràng, vật chứng là một trong những căn cứ quan trọng trong việc giúp các cơ quan có thẩm quyền THPT tìm ra được sự thật khách quan của vụ án. Trong suốt quá trình điều tra, tổ tụng vật chứng thường được kiểm tra, đánh giá, phân tích bởi các cơ quan và người THPT. Vì vậy, vật chứng là hết sức quan trọng và việc bảo quản để phục vụ công tác điều tra kéo dài nhằm bảo đảm về tính năng chứng minh của vật chứng đồng thời hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, tránh thiệt hại và lãng phí.

Bảo quản vật chứng theo quy định của BLTTHS 2015 đã bổ sung quy định bảo quản đối với vật chứng là tiền vàng; bạc; kim khí quý; đá quý; đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm lưu dấu vết của tội phạm. Vật chứng là tiền; vàng; bạc; kim khí quý; đá quý; đồ cổ lưu dấu vết của tội phạm thì sẽ tiến hành niêm phong.

(2) Điều 89 Bộ luật Tố tụng hình sự

Cách bảo quản đối với vật chứng là vi khuẩn nguy hại, bộ phận cơ thể người, mẫu mô, mẫu máu và các mẫu vật khác của cơ thể người. Dễ thấy, tình hình tội phạm ngày càng gia tăng với sự phức tạp và tinh vi khủng khiếp. Cùng với đó những vật chứng thu được ngày càng trở nên đa dạng và đòi hỏi những cách bảo quản vật chứng phù hợp. Vật chứng là vi khuẩn gây hại; mẫu mô; mẫu máu và các mẫu vật khác. Như vậy, việc BLTTHS 2015 nêu đầy đủ và rõ các loại vật chứng và cách bảo quản vật chứng đã là một bước tiến quan trọng trong vấn đề bảo vệ vật chứng, chứng cứ ở Việt Nam.

2.4.1. Nguyên nhân chủ quan

Vấn đề con người thực hiện các hoạt động tố tụng đó cũng cần quan tâm. Nhiều sai phạm trong hoạt động xử lý vật chứng xảy ra không chỉ xuất phát từ sự bất cập của các quy định của pháp mà xuất phát chủ yếu từ nhận thức, năng lực chuyên môn của người THPT. Để hạn chế các sai sót này, các cơ quan, người THPT cần phải:

Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của người THPT. Theo quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm Kiểm sát viên, Thẩm phán, Điều tra viên, những người trực tiếp giải quyết các vụ án hình sự, về chuyên môn, họ phải có trình độ. Cùng với kiến thức về nghiệp vụ xử lý vật chứng, việc rèn luyện năng lực chuyên môn cho người THPT một cách thường xuyên với nội dung cụ thể, có định hướng nhằm khắc phục các sai sót và tồn tại. Bên cạnh đó, đội ngũ người THPT không chỉ trao dồi về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực mình hoạt động mà còn phải biết rõ các quy định về lĩnh vực khác có liên quan đến vụ án mình giải quyết để tránh sai sót không đáng có. Muốn lý luận tốt, người THPT phải có kiến thức tổng hợp nhiều ngành luật vì trong một vụ án hình sự thường có nhiều mối quan hệ pháp luật khác nhau, do nhiều ngành luật khác nhau điều chỉnh. Chẳng hạn, khi thực hiện công tác điều tra, kiểm sát, xét xử hình sự, ngoài Bộ luật Hình sự, BLTTHS, người THPT còn phải am hiểu thêm Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em cùng

những văn bản quy phạm pháp luật khác, nhất là các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Cần thay đổi những nhận thức sai lầm mang tính cá nhân của một số người THTT và giáo dục tinh thần trách nhiệm cho họ trong toàn bộ các hoạt động liên quan đến xử lý vật chứng.

Việc kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công THTT là hết sức cần thiết và cần được quan tâm thực hiện để tránh tình trạng quá tải hoặc lợi dụng vị trí để trục lợi. Bên cạnh đó, tiến hành phân loại trình độ chuyên môn, năng lực của các cán bộ từ có có kế hoạch phân phối công việc hợp lý phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của từng người và lên kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, giảm dần cán bộ yếu kém, thiếu năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm thấp và chuyển sang bộ phận khác.

Các cơ quan có thẩm quyền phải xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý vật chứng để góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ thực hiện hoạt động xử lý vật chứng và giáo dục, răn đe các cán bộ có nhận thức không đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động xử lý vật chứng.

Quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành đã được người THTT thực hiện một cách nghiêm túc, triệt để trong việc xử lý vật chứng đã góp phần quan trọng trong phát hiện tội phạm, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp và và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân được đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh các mặt đạt được, thực tiễn cũng đã chứng minh các quy định BLTTHS về xử lý vật chứng còn một số bất cập cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

2.4.2. Nguyên nhân khách quan

Việc xem xét đánh giá chứng cứ, định tội danh, quan điểm xử lý vụ án giữa các cơ quan, người có thẩm quyền THTT đối với những vụ án có tính chất phức tạp chưa có sự thống nhất, đồng bộ.

Việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng đối với quy định của điều luật còn chậm, chưa đáp ứng với nhu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Hiện nay, chưa có sự đồng bộ trong phối hợp giữa các hoạt động tố tụng, hoạt động hỗ trợ tư pháp đã làm ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả các quy trình tố tụng. Vì vậy, để thực hiện tốt việc xét xử, cần:

Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, chủ động lập kế hoạch trong quá trình giải quyết, xét xử đúng đắn và toàn diện. Đối với những thiết sót về chứng cứ hoặc những vi phạm tố tụng cần được kịp thời khắc phục để đảm bảo việc xét xử.

Thực hiện nghiêm túc theo tinh thần cải cách tư pháp, nêu cao vấn đề tranh tụng tại phiên tòa. Qua đó chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có thể đánh giá chứng cứ trong quá trình tranh tụng.

Trong một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, phạm tội không quả tang; việc xác định hiện trường gặp khó khăn do đặc điểm là sông nước, khi tai nạn xảy ra thì chỉ để lại dấu vết trên phương tiện, điểm dừng, vết thương trên người của nạn nhân và người gây tai nạn. Việc xác định nguyên nhân chết trước khi rơi xuống sông hay khi rơi xuống sông do bị thương nặng ngạt nước mà chết cũng là vấn đề khó xác định khi không có sự can thiệp của việc giám định, qua trình thực hiện giám định phải thật khách quan. Hiện trường mặc dù không bị xáo trộn hoặc thay đổi nhưng trước tiên khi đó việc đầu tiên là trục vớt phương tiện, tìm kiếm người bị tai nạn; những vụ án không có nhân chứng hoặc không tìm được nhân chứng; khi tai nạn xảy ra, thời gian diễn ra ban đêm không có ai chứng kiến sau khi gây tai nạn thì người gây tai nạn bỏ trốn; không thu giữ được vật chứng... thì người THTT cần đặc biệt thận trọng trong quá trình xem xét, chứng minh đánh giá chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, cần thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

Tiểu kết Chương 2

Dựa vào các quy định của pháp luật về lý luận chứng cứ và chứng minh, việc xác định và đánh giá chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy là rất quan trọng.

Xác định những hạn chế, bất cập trong quá trình thu thập bảo quản chứng cứ đối với những vụ án có tính chất phức tạp. Vì vậy, những người có thẩm quyền THPT cần phải nghiên cứu, hệ thống các văn bản, đồng thời hệ thống những tài liệu, chứng cứ có liên quan trực tiếp đến vụ án để xác định đúng tội danh tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm. Từ đó quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, hành vi đảm bảo cho công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm từ những chứng cứ đã được thu thập.

Từ những phân tích và viện dẫn trên, cần thiết tiếp tục đề ra các kiến nghị bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, đồng thời khắc phục những thiếu sót, chồng chéo trong các quy định của pháp luật; giúp hoạt động của các cơ quan, người THPT đạt hiệu quả cao hơn.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY

Từ sự phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động của các cơ quan THTT hình sự liên quan đến vấn đề chứng cứ trong vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy cho thấy hoạt động này vẫn còn những tồn tại, sai sót do những nguyên nhân cơ bản như đã nêu ở Chương 2. Trên cơ sở những sai sót đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan THTT liên quan đến vấn đề chứng cứ trong các vụ án vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy như sau:

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về chứng cứ

Theo Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông năm 2017; phương hướng, nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2018 của Chính phủ có đề ra phương hướng nhiệm vụ, liên quan đến lĩnh vực đường thủy nội địa: ngừng cấp giấy phép mới và đình chỉ toàn bộ hoạt động của các dự án xã hội hóa bảo trì, nạo vét luồng đường thủy kết hợp với tận thu vật liệu trên các tuyến sông do Bộ quản lý; tiến hành rà soát, kiểm tra, cấp phép hoạt động đối với 6.337/8.252 bến thủy nội địa, đạt 76%; cấp phép 2.058/2.526 bến khách ngang sông, đạt 81,5%; sắp xếp nơi neo đậu tàu, thuyền, đảm bảo hợp lý, an toàn cho phương tiện, không để xảy ra tình trạng vi phạm hành lang an toàn luồng chạy tàu, làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khác trên đường thủy nội địa.

Khu vực Nam bộ thường đối diện với tình trạng triều cường và nước biển dâng... đã gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông vận tải thủy cũng như công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên tuyến đường thủy nội địa.

Công tác lựa chọn cán bộ làm công tác chuyên trách, tiếp nhận tin, bảo vệ hiện trường, khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết, xác định vị trí va chạm, chiều hướng va chạm, một số lưu ý khi tham gia khám nghiệm tử thi trong các vụ tai nạn

giao thông; nhận định nguyên nhân, kết luận các vụ tai nạn và một số kinh nghiệm trong kiểm sát, hoàn thành hồ sơ trong điều tra, giải quyết các vụ án giao thông

Lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy rà soát, tăng cường thanh tra kiểm tra xử lý trật tự an toàn giao thông như giấy phép hoạt động của phương tiện, chứng chỉ điều khiển phương tiện, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật liên quan đến lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa nhằm phát hiện xử lý sớm, hạn chế các trường hợp vi phạm.

Tăng cường công tác đăng ký, đăng kiểm, quản lý phương tiện và người điều khiển phương tiện thủy nội địa.

Đầu tư các kết cấu hạ tầng phù hợp đối với những địa phương, điểm nóng, khu vực thường xảy ra tai nạn.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo chứng cứ

Theo quy định tại Điều 3 BLTTHS về nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong TTHS thì: “Mọi hoạt động TTHS của các cơ quan THTT, người THTT và người tham gia tố tụng phải được tiến hành theo Bộ luật này”.

Cải cách tư pháp hướng đến việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ.

Để áp dụng quy định của BLTTHS về chứng cứ một cách có hiệu quả của các cơ quan THTT đối với vụ án hình sự, tác giả đề xuất một số việc như sau:

Theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”; nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về chứng cứ trong bối cảnh chung của cải cách tư pháp hiện nay. Đường lối, chính sách,

chủ trương của Đảng; pháp luật của Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tư pháp, nhằm mục tiêu dần tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp liên quan về chứng cứ trong lĩnh vực vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Tiếp tục hoàn thiện các chế định hỗ trợ tư pháp. Hoàn thiện chế định giám định tư pháp. Đối với từng lĩnh vực cụ thể cần ban hành Bộ quy chuẩn giám định cho phù hợp.

Đào tạo, đưa đi tập huấn chuyên sâu về đội ngũ được giao xét xử liên quan đến loại tội phạm này. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch vững mạnh đáp ứng tình hình hiện nay.

Tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ như các văn bản hướng dẫn đầy đủ và kịp thời về một số vấn đề có liên quan đến chứng cứ của các cơ quan tư pháp trung ương và một số ngành có liên quan đến loại tội phạm vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy.

Chúng ta thấy rằng mặc dù trong BLTTHS đã có quy định về những vấn đề cần chứng minh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, nhưng để chứng minh được những vấn đề này, trong thực tiễn hoạt động của mình các cơ quan THTT phải chứng minh nhiều tình tiết cụ thể liên quan đến nó.

3.3. Giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót trong thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo quản chứng cứ

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thu thập, kiểm tra, đánh giá và bảo quản chứng cứ vẫn còn một số tồn tại nhất định, chưa thống nhất trong quy định. Đã qua nhiều lần được pháp điển hóa cho phù hợp với chính sách của từng thời kỳ, phù hợp với tiến trình đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, còn một số trường hợp quy định vẫn chưa đồng bộ. Do đó, để tiếp tục hoàn thiện, đề xuất một số quan điểm của cá nhân như sau:

- Sắp xếp, đổi mới về công tác cán bộ, trang bị các phương tiện kỹ thuật hình sự hiện đại phù hợp cho các tiến trình tố tụng như điều tra, giám định nhằm đáp ứng cho hoạt động chứng minh. Đào tạo chuyên sâu, có trọng tâm cho đội ngũ cán bộ phục vụ chuyên môn. Việc bồi dưỡng kiến thức và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn là hết sức cần thiết cho những người THTT trong thực thi nhiệm vụ chứng minh.

- Theo quy định của BLTTHS, vật chứng là hết sức quan trọng và được thập chủ yếu trong các hoạt động điều tra (khám nghiệm hiện trường và các hoạt động khám nghiệm theo quy định của BL TTHS). Do đó, khi thực hiện việc thu thập vật chứng trong các hoạt động điều tra cần đảm bảo các hoạt động điều tra này tuân thủ theo quy định của pháp luật. Phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật khi thực hiện về trình tự, thủ tục.

- Đặc biệt, nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc thu thập chứng cứ. Cụ thể cần mở rộng phạm vi tuyên truyền, phổ biến giáo dục đến toàn thể nhân dân; ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về chứng cứ, thay thế các văn bản cho phù hợp với các quy định của Bộ luật sửa đổi hiện hành.

- Tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, người được giao nhiệm vụ thực hiện việc bảo quản chứng cứ phục vụ cho quá trình chứng minh tội phạm.

3.4. Một số giải pháp khắc phục hạn chế, thiếu sót

Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về thu thập, bảo quản vật chứng, để góp phần nâng cao hiệu quả công tác thu thập, bảo quản vật chứng, đề xuất tiếp tục hoàn thiện những quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về chứng cứ. Cần tiếp tục tăng cường, chú trọng tập trung vào công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là đường thủy nội địa. Một số giải pháp cụ thể như sau:

- Việc nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng về giao thông đường thủy nội địa cũng như công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa nói riêng phải được quán triệt sâu sắc tại cấp ủy Đảng và các chính quyền các cấp, các cơ quan chuyên ngành và những cá nhân được Nhà nước giao chức năng tổ chức hoạt động giao thông... Do đó, những chủ thể (cá nhân, tổ chức)

được giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa cần tính toán thực hiện đồng bộ các giải pháp về kỹ thuật, an toàn của phương tiện; kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật - nghiệp vụ cho người điều khiển phương tiện thủy; phổ biến, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho người tham gia giao thông đường thủy nội địa; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; tăng cường công tác đấu tranh phòng chống tội phạm... nhằm đảm bảo giao thông đường thủy nội địa trật tự, an toàn và phát triển bền vững.

- Hiện nay Luật Giao thông đường thủy nội địa đã được Quốc hội bổ sung, sửa đổi hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của các mặt hoạt động trên lĩnh vực đường thủy nội địa. Tuy nhiên, ở một số văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan mới ban hành đã có một số hạn chế nhất định. Do vậy cần phải tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa, kịp thời đề xuất bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới cho phù hợp với thực tế. Việc phát hiện ra những hạn chế, những điểm chưa phù hợp trong các quy định nêu trên, ngoài việc nghiên cứu lý luận, cần phải căn cứ thực tiễn công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa. Có như vậy, các quy định của pháp luật mới đi vào cuộc sống và đưa các hoạt động giao thông đường thủy nội địa phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đảm bảo cuộc sống bình yên cho người dân.

Những quy định phải được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp như: quy định về hành lang bảo vệ luồng chạy tàu, thuyền; quy định về đăng ký, đăng kiểm phương tiện; quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn cho thuyền viên và người lái phương tiện thủy và quản lý vận tải thủy; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông...

- Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giao thông đường thủy nội địa. Các cơ quan chức năng kết hợp với cơ quan tuyên truyền (báo, đài...) đổi mới phương

pháp, nội dung và mở rộng địa bàn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa cho mọi đối tượng nhằm nâng cao sự hiểu biết và ý thức tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa của toàn xã hội. Chú ý xây dựng các phong trào “Văn hóa giao thông với bình yên sông nước”, “Cảng, bến sông an toàn”... ở những nơi tiềm ẩn những nguy cơ mất trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, nhất là những địa bàn sông, kênh có nhiều phương tiện thủy qua lại, những nơi thường xảy ra các vụ tai nạn giao thông, đuối nước...

Lực lượng Cảnh sát nhân dân căn cứ nội dung luật định và những văn bản mới ban hành để xây dựng các văn bản phù hợp thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự; luật tố tụng hình sự và các đạo luật khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động điều tra, giải quyết tai nạn giao thông nói chung. Tổ chức có hiệu quả công tác điều tra các vụ tai nạn giao thông đường thủy có liên quan đến phương tiện chở người, chở khách để xác định chính xác nguyên nhân xảy ra tai nạn, lỗi của các bên có liên quan trong vụ tai nạn và đặc biệt là phát hiện những sơ hở, thiếu sót của các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương. Tham mưu cho ngành nội chính đưa các vụ tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng ra xét xử tại nơi xảy ra tai nạn giao thông để răn đe, cảnh báo, phòng ngừa giáo dục chung.

- Kiện toàn, đổi mới các cơ quan THTT về tổ chức và hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trên cơ sở phân tích những hạn chế trong việc tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án; chất lượng, năng lực của đội ngũ cán bộ các cơ quan THTT cũng như hạn chế của cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, tác giả đưa ra một số giải pháp cho việc tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan này theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 của Bộ Chính trị. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Đặc biệt quan tâm chế độ, chính sách đãi ngộ với người THTT như Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp, đảm bảo cho việc đấu tranh, phòng chống tội phạm phù hợp với tình hình thực tế.

Tiểu kết Chương 3

Mục đích làm rõ các cơ sở lý luận nhằm khắc phục những hạn chế, thiết sót, những quy định chồng chéo của pháp luật liên quan đến chứng cứ, chứng minh. Đề từ đó, các cơ quan, người có thẩm quyền THTT thể hiện vai trò phối hợp. Đồng thời từ những thuận lợi, khó khăn cũng như hạn chế đã đưa ra một số phương pháp, giải pháp, đề xuất hướng xử lý hoàn thiện các khó khăn, vướng mắc về các quy định của pháp luật hình sự liên quan. Đề từ đó, làm cơ sở cho việc xử lý, giải quyết các vấn đề cụ thể trong vụ án thông qua chứng cứ, chứng minh.

KẾT LUẬN

Để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, theo trình tự pháp luật quy định thì các cơ quan, người có thẩm quyền THTT tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ để chứng minh những tình tiết liên quan đến vụ án. Quá trình làm sáng tỏ được pháp luật quy định là hoạt động đánh giá chứng cứ. Bản chất của quá trình chứng minh là quá trình thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong vụ án hình sự và đây là những vấn đề phức tạp xét trên phương diện lý luận, pháp luật và thực tiễn. Bằng việc kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực tiễn, vận dụng đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý của phép biện chứng, quan điểm của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm, tiếp thu có chọn lọc làm sáng tỏ chứng cứ là phương tiện để chứng minh. Đối tượng chứng minh là những yếu tố do luật định mà chứng cứ nhằm vào để chứng minh. Để xác định đúng đối tượng chứng minh phải xác định được phạm vi chứng minh trên thực tế, tức là phải chứng minh được tất cả những tình tiết hợp thành đối tượng chứng minh. Thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ tuy là những hoạt động khác nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ với nhau trong một thể thống nhất, được tiến hành liên tục từ khi phát hiện tội phạm cho đến khi tòa tuyên án. Khi tiến hành các hoạt động chứng minh, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán phải quán triệt đầy đủ nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời, nguyên tắc khách quan, toàn diện và đầy đủ, nguyên tắc tuân thủ pháp luật; đồng thời phải năng động sáng tạo trong mỗi tình huống tố tụng cụ thể, bảo đảm nhanh chóng xác định đúng đắn sự thật của vụ án.

Thời gian qua, quá trình hoạt động của các cơ quan THTT ở tỉnh Cà Mau ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên vẫn còn bộc lộ những hạn chế, sai sót trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, chứng minh qua việc xác định đối tượng và phạm vi chứng minh; đồng thời quá trình thực tiễn điều tra, truy tố xét xử cho thấy, biên bản về hoạt động điều tra, xét xử, các tài liệu, đồ vật khác có vị trí, vai trò độc lập trong hệ thống các nguồn chứng cứ trong vụ án hình sự.

Đối với biên bản về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thực tiễn, thực tiễn thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ từ nguồn chứng cứ cho thấy: Nó là văn bản pháp lý ghi nhận hoạt động của các cơ quan THTT trong việc thu thập chứng cứ

thông qua việc tiến hành các hoạt động tổ tụng. Quá trình nghiên cứu, bản thân rút ra một số kết luận nhằm vào hướng tiếp tục đề xuất hoàn thiện các quy định của BLTTHS về chứng cứ chung theo quy định và chứng cứ trong vụ án vì phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nhằm nâng chất hoạt động của các cơ quan, người có thẩm quyền THTT liên quan đến chứng cứ chứng minh.

Quá trình nghiên cứu, điều kiện nghiên cứu của bản thân có hạn trong khi nội dung đề tài phức tạp, mặt khác đề tài cũng chưa có nhiều công trình và tác giả nghiên cứu chuyên sâu nên chắc hẳn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Qua đây, mong các đồng nghiệp, các nhà nghiên cứu góp ý nhằm góp phần tiếp tục hoàn thiện chứng cứ, chứng minh sau nhiều lần BLTTHS được sửa đổi, bổ sung.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Anh (2018) “Ủy ban an toàn giao thông quốc gia làm việc tại Cà Mau” <http://batgt.camau.gov.vn/uy-ban-an-toan-giao-thong-quoc-gia-lam-viec-tai-ca-mau.1894>>, (23/3/2018)
2. Nguyễn Hòa Bình (2016) *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Bộ công an, Bộ quốc phòng, Bộ tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2013) *Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIX của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông*, ban hành ngày 28/8/2013, Hà Nội.
4. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004) *Định tội danh*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
5. Chính phủ (1955) *Thông tư số 442/TTg ngày 19/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ về việc trừng trị một số tội phạm: Tập hệ thống hóa luật lệ về Hình sự 1975*, ban hành ngày 19/1/1955, Hà Nội.
6. Chính phủ (1956) *Thông tư số 556/TTg ngày 29/6/1956 của Thủ tướng Chính phủ bổ khuyết Thông tư số 442/TTg về việc trừng trị một số tội phạm: Tập hệ thống hóa luật lệ về Hình sự 1975*, ban hành ngày 29/6/1956, Hà Nội.
7. Lê Đăng Doanh và Cao Thị Oanh (2017) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
8. Đảng cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, ban hành ngày 02/1/2002, Hà Nội.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị, về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.

10. Đảng cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
11. Đỗ Văn Đương (2006) *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
12. Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao (2003) *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 17/04/2003 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật hình sự*, ban hành ngày 17/4/2003, Hà Nội.
13. Trần Minh Hường (chủ biên, 2014) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
14. Tạ Minh Ngọc (2010) *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Thanh niên, Hà Nội
15. Thanh Nghị (2017) “Một số vấn đề về kiểm sát điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các vụ án xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ”, *Báo Bảo vệ pháp luật cuối tháng*, chuyên đề tháng 10/2017, tr. 25-27.
16. Cao Thị Oanh (2013) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung - dùng cho các trường đại học chuyên ngành luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Đinh Văn Quế (2006) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội phạm*, Tập II, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Đinh Văn Quế (2012) *Bình luận khoa học BLHS - Phần các tội phạm - bình luận chuyên sâu. Tập VII. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Quốc hội (1985) *Bộ luật hình sự năm 1985*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Quốc hội (1999) *Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (2003) *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội (2009) *Bộ luật hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội (2015) *Bộ luật hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội (2015) *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội (2013) *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội (2008) *Luật giao thông đường thủy năm 2008*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
27. Quốc hội (2014) *Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Nguyễn Văn Tiến (2017) *Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang*, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội.
29. Huỳnh Minh Tính (2016) *Chứng cứ trong các vụ án xâm phạm trật tự, an toàn giao thông từ thực tiễn tỉnh Cà Mau*, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2002) *Công văn 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 về việc hướng dẫn áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 30/9/2002, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân tối cao (1986) *Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 29/11/1986, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2000) *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 04/8/2000, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2003) *Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 17/4/2003, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 12/5/2006, Hà Nội.
35. Trường Đại học luật Hà Nội (2005) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Công an-Bộ Quốc phòng (2005) *Thông tư số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, ban hành ngày 07/9/2005, Hà Nội.

37. Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao-Bộ Công an-Tòa án nhân dân tối cao (2010)
Thông tư số: 09/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 hướng dẫn áp dụng quy định tại Chương XIX của Bộ luật hình sự về các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông, ban hành ngày 28/8/2013, Hà Nội.
38. Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Tòa án nhân dân tối cao (2010),
Thông tư 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 về hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung, ban hành ngày 27/8/2010, Hà Nội.
39. Trần Thị Quang Vinh (2005) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (1990) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2013) *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.